**Báo cáo**

**Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng**

**biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

**Xã Nga Hưng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá**

**MỤC LỤC**

[A. Giới thiệu chung 4](#_Toc519939133)

[1. Vị trí địa lý 4](#_Toc519939134)

[2. Đặc điểm địa hình 4](#_Toc519939135)

[3. Đặc điểm thời tiết khí hậu 4](#_Toc519939136)

[4. Xu hướng thiên tai, khí hậu 5](#_Toc519939137)

[5. Phân bố dân cư, dân số 5](#_Toc519939138)

[6. Hiện trạng sử dụng đất đai 6](#_Toc519939139)

[7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế 7](#_Toc519939140)

[B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã 7](#_Toc519939141)

[1. Lịch sử thiên tai 7](#_Toc519939142)

[2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH 8](#_Toc519939143)

[3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH 9](#_Toc519939144)

[4. Đối tượng dễ bị tổn thương 9](#_Toc519939145)

[5. Hạ tầng công cộng 9](#_Toc519939146)

[a) Điện 9](#_Toc519939147)

[b) Đường và cầu cống 9](#_Toc519939148)

[c) Trường 10](#_Toc519939149)

[d) Cơ sở Y tế 10](#_Toc519939150)

[e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa 11](#_Toc519939151)

[f) Chợ 11](#_Toc519939152)

[6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè) 11](#_Toc519939153)

[7. Nhà ở 12](#_Toc519939154)

[8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường 12](#_Toc519939155)

[9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến 13](#_Toc519939156)

[10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý 13](#_Toc519939157)

[11. Hoạt động sản xuất kinh doanh 13](#_Toc519939158)

[12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm 14](#_Toc519939159)

[13. Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH 15](#_Toc519939160)

[14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác 16](#_Toc519939161)

[15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TƯBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ) 16](#_Toc519939162)

[C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã 17](#_Toc519939163)

[1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng 17](#_Toc519939164)

[2. Hạ tầng công cộng 18](#_Toc519939165)

[3. Công trình thủy lợi 19](#_Toc519939166)

[4. Nhà ở 19](#_Toc519939167)

[5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường 20](#_Toc519939168)

[6. Y tế và quản lý dịch bệnh 21](#_Toc519939169)

[7. Giáo dục 22](#_Toc519939170)

[8. Rừng 22](#_Toc519939171)

[9. Trồng trọt 23](#_Toc519939172)

[10. Chăn nuôi 24](#_Toc519939173)

[11. Thủy Sản 24](#_Toc519939174)

[12. Du lịch 25](#_Toc519939175)

[13. Buôn bán và dịch vụ khác 26](#_Toc519939176)

[14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm 27](#_Toc519939177)

[15. Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH 27](#_Toc519939178)

[16. Giới trong PCTT và BĐKH 28](#_Toc519939179)

[17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác 29](#_Toc519939180)

[D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp 29](#_Toc519939181)

[1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH 29](#_Toc519939182)

[2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH 30](#_Toc519939183)

[3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã 31](#_Toc519939184)

[4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã 31](#_Toc519939185)

[E. Phụ lục 31](#_Toc519939186)

[1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá 31](#_Toc519939187)

[2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn 32](#_Toc519939188)

[3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá 32](#_Toc519939189)

[Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai 33](#_Toc519939190)

# **Giới thiệu chung**

*Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đối khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.*

*Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.*

*Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).*

*Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và Lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)*

**1.Vị trí địa lý:**

Xã Nga Hưng là một xã vùng màu của huyện Nga Sơn, cách trung tâm Thị trấn Nga Sơn 1 km về phía đông nam. Phía bắc giáp hai xã Nga Thanh – Nga Yên, phía nam giáp xã Nga Trung, phía đông giáp xã Nga Thanh – Nga Thủy, phía tây giáp xã Nga Mỹ

Diện tích tự nhiên 230,63 ha, trong đó đất nông nghiệp 147,64 ha, chiếm 64%; đất phi nông nghiệp là 82,06 ha, chiếm 35,6%; đất chưa sử dụng là 0,93 ha, chiếm 0,4%.

**2.Đặc điểm địa hình:**

Do nằm ở vị trí địa lý thuận lợi nên về mặt khí hậu, Nga Hưng cũng mang cả những đặc điểm của khí hậu Bắc bộ có mùa đông lạnh và khô. Mùa xuân thì ẩm ướt, âm u, thiếu nắng do mưa phùn và sương mù kéo dài. Đồng thời Nga Hưng cũng mang những tính chất riêng biệt của khí hậu Trung bộ đó là mùa mưa và bão thường muộn hơn các nơi khác ở Bắc bộ. Mùa hè thường khô nóng do ảnh hưởng của gió Lào (hay còn gọi là gió Phơn - Tây Nam) mang lại.

Địa hình nhìn chung khá bằng phẳng. Thuận lợi cho việc thâm canh các loại cây trồng vật nuôi và xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển công nghiệp, bố trí khu dân cư.

Toàn xã có 1023 hộ, với 3385 nhân khẩu, trước đây được phân bố ở 8 khu dân cư (8 thôn) đến nay theo Nghị quyết số 106-NQ/HĐND tỉnh ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sáp nhập, thành lập, đổi tên các thôn, xóm, tiểu khu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; xã Nga Hưng có 8 khu dân cư được sáp nhập còn 4 thôn cụ thể như sau: Thôn Long Khang (sát nhập từ thôn 1&2), thôn Bách Lợi (sát nhập từ hai thôn 3&8), thôn Trung Bắc (sát nhập từ hai thôn 4&5), thôn Thắng Thịnh (sát nhập từ hai thôn 6&7). Xã có nguồn lao động trẻ, khỏe, dồi dào (lực lượng lao động chiếm 65% tổng dân số).

## **Đặc điểm thời tiết khí hậu**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ số về thời tiết khí hậu** | **ĐVT** | **Giá trị** | **Tháng xảy ra** | **Dự báo BĐKH của Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (\*)** |
| 1 | Nhiệt độ trung bình | *Độ C* | 22-23 |  | Tăng 2.1 0C |
| 2 | Nhiệt độ cao nhất | *Độ C* | 41 | 6-8 | Tăng 20C-2,40C |
| 3 | Nhiệt độ thấp nhất | *Độ C* | < 2 | 11-12-1 | Tăng khoảng 2-2.40C |
| 4 | Lượng mưa Trung binh | *Mm* | 1700 |  | Tăng 18.6mm |

## **Xu hướng thiên tai, khí hậu**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương** | **Giảm** | **Giữ nguyên** | **Tăng lên** | **Dự báo BĐKH của Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (\*)** |
| *1* | Xu hướng hạn hán |  |  | X |  |
| *2* | Xu hướng bão |  |  | X |  |
| *3* | Xu hướng lũ |  |  | X |  |
| *4* | Số ngày rét đậm |  |  | X |  |
| *5* | Mực nước biển tại các trạm hải văn |  |  | X | Đến năm 2050  **Tăng khoảng 25cm**  (dao động trong khoảng 17-35cm tại các trạm từ Hòn Dáu đến Đèo Ngang) |
| 6 | Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão |  |  | X | **Khoảng 1,43% diện tích – tương đương khoảng 15.915,15ha**  (Bảng 6.10, kịch bản nước dâng 100cm vào cuối thế kỷ trang 77) |

1. Phân bố dân cư, dân số

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thôn** | **Số hộ** | **Số hộ phụ nữ làm chủ hộ** | **Số khẩu** | | | **Hộ nghèo** | **Hộ cận nghèo** |
| **Tổng** | **Nữ** | **Nam** |
| *1* | Long Khang | 292 | 55 | 1087 | 567 | 520 | 11 | 40 |
| *2* | Bách Lợi | 247 | 21 | 966 | 497 | 466 | 10 | 33 |
| 3 | Trung Bắc | 245 | 56 | 931 | 472 | 459 | 9 | 30 |
| 4 | Thắng Thịnh | 239 | 60 | 904 | 464 | 440 | 10 | 30 |
| **Tổng số** | | **1023** | **192** | **3888** | **2000** | **1885** | **40** | **133** |

## **Hiện trạng sử dụng đất đai**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại đất (ha)** | **Số lượng (ha)** |
| **I** | **Tổng diện tích đất tự nhiên** | 230,63 |
| **1** | **Nhóm đất Nông nghiệp** | 147,64 |
| **1.1** | **Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp** | 147,64 |
| *1.1.1* | *Đất lúa nước* | 105.24 |
| *1.1.2* | *Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)* | 17,9 |
| *1.1.3* | *Đất trồng cây hàng năm khác* | 4.6 |
| *1.1.4* | *Đất trồng cây lâu năm* | 5,2 |
| **1.2** | **Diện tích Đất lâm nghiệp** | 0 |
| *1.2.1* | *Đất rừng sản xuất* | 0 |
| *1.2.2* | *Đất rừng phòng hộ* | 0 |
| *1.2.3* | *Đất rừng đặc dụng* | 0 |
| **1.3** | **Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản** | 14.7 |
| **1.3.1** | *Diện tích thủy sản nước ngọt* | 14.7 |
| **1.3.2** | *Diện tích thủy sản nước mặn/lợ* |  |
| **1.4** | **Đất làm muối** | 0 |
| **1.5** | **Diện tích Đất nông nghiệp khác**  *(Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)* |  |
| **2** | **Nhóm đất phi nông nghiệp** | 82,06 |
| **3** | **Diện tích Đất chưa Sử dụng** | 0,93 |
|  | **Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng**   * Đất nông nghiệp * Đất ở | 100% |

## **Đặc điểm và cơ cấu kinh tế**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình sản xuất** | **Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)** | **Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)** | **Thu nhập bình quân/hộ (Triêu/Năm)** | **Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính** |
| *1* | *Trồng trọt* | 40,8 | 418 | 50 triệu/1 ha Lúa/hộ  Màu: 70 triệu/hộ | *80%* |
| *2* | *Chăn nuôi* | 22,5% | 890 | 30 triêu | 48% |
| *3* | *Nuôi trồng thủy sản* | 0,68 | 7 | *70 triệu/ha* | *70%* |
| *4* | *Đánh bắt hải sản* | 0 | 0 | *0)* | *0* |
| *5* | *Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)* | 26 | 285 | 60 (triệu VND/năm) | *46%* |
| *6* | *Buôn bán* | 11 | 112 |  | *92%* |
| *7* | *Du lịch: không* |  |  | 36 triệu VND/năm*)* | *0* |
| *8* | *Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v* | 21,15 | 189 | *30 trieuj/năm* | *15%* |

# **Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã**

## 

## **Lịch sử thiên tai**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng/**  **năm**  **xảy ra** | **Loại thiên tai** | **Số thôn bị ảnh hưởng** | **Tên thôn** | **Thiệt hại chính** | **Số lượng** | |
| **Nam** | **Nữ** |
| **12-2015-1/2016** | **Rét đậm, rét hại trong 40 ngày** | **4/4** | **Long Khang**  **Bách Lợi**  **Trung Bắc**  **Thằng Thinh** | 1. Số người chết/mất tích: |  |  |
| 1. Số người bị thương: |  |  |
| 1. Số nhà bị thiệt hại: | 1000 | |
| 1. Số trường học bị thiệt hại: | 0 | |
| 1. Số trạm y tế bị thiệt hại: | 0 | |
| 1. Số km đường bị thiệt hại: | 0 | |
| 1. Số ha rừng bị thiệt hại: | 0 | |
| 1. Số ha ruộng bị thiệt hại: | 100 | |
| 1. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 1 | |
| 1. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 2 | |
| 1. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: |  | |
| 1. Các thiệt hại khác | 500 gia cầm bị chết | |
| 1. **Ước tính thiệt hại kinh tế:** | 2 tỷ | |
| **10/2017** | **Bão** | **4/4** | **Long Khang**  **Bách Lợi**  **Trung Bắc**  **Thằng Thinh** | 1. Số người chết/mất tích: | 0 | |
| 2 .Số người bị thương: | 0 | |
| 3.Số nhà bị thiệt hại: | 20 | |
| 4.Số trường học bị thiệt hại: | 0 | |
| 5.Số trạm y tế bị thiệt hại: | 0 | |
| 6.Số km đường bị thiệt hại: | 0 | |
| 7.Số ha rừng bị thiệt hại: | 0 | |
| 8.Số ha ruộng bị thiệt hại: | 50 | |
| 9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 1 | |
| 10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 2 | |
| 11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | 0 | |
| 12 kênh mương bị hư hỏng, | 0 | |
| 13. Đất bị lở lấp | 0 | |
| **14. Ước tính thiệt hại kinh tế:** | 1,5 tỷ | |

## **Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến[[1]](#footnote-1)** | **Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai** | **Mức độ thiên tai hiện tai**  **(Cao/Trung Bình/Thấp)** | **Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)** | **Mức độ thiên tai**  **theo kịch bản**  **(Cao/Trung Bình/Thấp)** |
| 1 | **Bão** | Long Khang | TB | Tăng | TB |
| Bách Lợi | TB | Tăng | TB |
| Trung Bắc | TB | Tăng | TB |
| Thắng Thịnh | TB | Tăng | TB |
| 2 | **Ngập lụt** | Long Khang | Cao | Tăng | Cao |
| Bách Lợi | Cao | Tăng | Cao |
| Trung Bắc | Cao | Tăng | Cao |
| Thắng Thịnh | Cao | Tăng | Cao |
| 3 | **Hạn hán** | Long Khang | Cao | Tăng | Cao |
| Bách Lợi | Cao | Tăng | Cao |
| Trung Bắc | Cao | Tăng | Cao |
| Thắng Thịnh | Cao | Tăng | Cao |
|  |  | Long Khang | TB | Tăng | TB |
|  |  | Bách Lợi | TB | Tăng | TB |
| 4 | **Rét** | Trung Bắc | TB | Tăng | TB |
| Thắng Thịnh | TB | Tăng | TB |

## **Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH**

**

## **Đối tượng dễ bị tổn thương**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thôn** | **Đối tượng dễ bị tổn thương** | | | | | | | | | | | | | | |
| Trẻ em dưới 5 tuổi | | Trẻ em từ 5-16 tuổi | | Phụ nữ có thai\* | Người cao tuổi | | Người khuyết tật | | Người bị bệnh hiểm nghèo | | Người nghèo | | Người dân tộc thiểu số | |
| Nữ | Tổng | Nữ | Tổng |  | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng |
| 1 | 1,2 | 51 | 99 | 107 | 207 | 9 | 69 | 130 | 16 | 30 | 2 | 3 | 8 | 11 | 2 | 2 |
| 2 | 3,8 | 78 | 156 | 78 | 172 | 15 | 60 | 111 | 10 | 17 | 0 | 0 | 7 | 10 | 1 | 1 |
| 3 | 4,5 | 48 | 105 | 88 | 171 | 13 | 55 | 129 | 11 | 22 | 0 | 0 | 8 | 9 | 2 | 2 |
| 4 | 6,7 | 41 | 74 | 89 | 175 | 12 | 54 | 127 | 7 | 13 | 0 | 0 | 7 | 10 | 3 | 3 |
|  | **Tổng** | **218** | **434** | **362** | **725** | **49** | **238** | **497** | **44** | **82** | **2** | **3** | **30** | **40** | **8** | **8** |

## **Hạ tầng công cộng**

### **Điện**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hệ thống điện** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Đơn vị tính** | **Hiện trạng** | | |
| Kiên cố | Chưa kiên cố |
|  | Cột điện | Thôn Long Khang | 1992 | Cột | 59 |  |
|  | Dây diện |  | km | 2,3 |  |
|  | Trạm điện |  | Trạm | 01 |  |
|  | Cột điện | Bách Lơi | 1992 | Cột | 44 |  |
|  | Dây diện |  | km | 1.77 |  |
|  | Trạm điện |  | Trạm | 2 |  |
|  | Cột điện | Thôn Trung Bắc | 1986 | 42 Cột | 42 |  |
|  | Dây diện |  | km | 1,9 |  |
|  | Trạm điện |  | Trạm | 01 |  |
|  | Cột điện | Thôn Thắng Thịnh | 1992 | 66 Cột | 66 |  |
|  | Dây diện | 1992 | km | 3,1 |  |
|  | Trạm điện | 2012 | Trạm | 02 |  |
|  | Cột điện | 1992 | 44 Cột | 44 |  |
|  | Dây diện |  | km | 1,77 |  |

### **Đường và cầu cống**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đường, Cầu cống** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Đơn vị** | **Hiện trạng** | | | |
| Nhựa | Bê Tông | Đất |
|  | **Đường** |  |  |  |  |  |  |
|  | Đường quốc lộ | Long Khang |  | km | 0 | 0 | 0 |
|  | Đường tỉnh/huyện |  |  | 0 | 0 | 0 |
|  | Đường xã |  |  | 0 | 0,4 | 0 |
|  | Đường thôn |  |  | 0 | 3,01 | 0 |
|  | Đường nội đồng |  |  | 0 | 4,4 | 0,3 |
|  | Đường quốc lộ | Bách Lơi |  |  | 0 | 0 | 0 |
|  | Đường tỉnh/huyện |  |  | 0 | 0 | 0 |
|  | Đường xã |  |  | 0 | 0,3 | 0 |
|  | Đường thôn |  |  | 0 | 4,9 | 0 |
|  | Đường nội đồng |  |  | 0 | 3,8 |  |
|  | Đường quốc lộ | Trung Bắc |  | km | 0 | 0 | 0 |
|  | Đường tỉnh/huyện |  |  | 0 | 0 | 0 |
|  | Đường xã |  |  | 0 | 0,4 | 0 |
|  | Đường thôn |  |  | 0 | 4 | 0 |
|  | Đường nội đồng |  |  | 0 | 2,7 | 0,7 |
|  | Đường quốc lộ | Thắng Thịnh |  |  | 0 | 0 | 0 |
|  | Đường tỉnh/huyện |  |  | 0 | 0 | 0 |
|  | Đường xã |  |  | 0 | 0,5 | 0 |
|  | Đường thôn |  |  | 0 | 4 | 0 |
|  | Đường nội đồng |  |  | 0 | 1,8 | 1,5 |
|  | **Cầu, Cống** |  | 2011-2018 | 62 cái | Kiên cố | Yếu/không đảm bảo tiêu thoát | Tạm |
|  | Cầu giao thông | Long Khang |  | cái | 0 | 0 | 0 |
|  | Cống |  |  | 22 | 0 | 0 |
|  | Cầu giao thông | Bách  Lợi |  |  | 0 | 0 | 0 |
|  | Cống |  |  |  | 15 | 0 | 0 |
|  | Cầu giao thông | Trung Bắc |  |  | 0 | 0 | 0 |
|  | **Cống** |  |  | **5** | **0** | **0** |
|  | Cầu giao thông | Thắng Thịnh |  |  | 0 | 0 | 0 |
|  | Cống |  |  | 15 | 0 | 0 |
|  | ***Ghi chú khác*** | | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | |

### **Trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trường** | **Thôn[[2]](#footnote-2)** | **Năm xây dựng** | **Số phòng** | **Hiện trạng** | | | |
| Kiên cố | Bán  kiên cố | Tạm |
|  | Mầm non[[3]](#footnote-3) | Long Khang | 2005 | 13 | x |  |  |
|  | Trường Mầm Non Nga Hưng |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường TH | Long Khang | 1995 | 22 | x |  |  |
|  | Trường Tiêu học Nga Hưng |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường THCS | Long Khang | 2011 | 14 | x |  |  |
|  | Trường THCS Nga Hưng |  |  |  |  |  |  |
|  | ***Ghi chú khác*** | | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | |

### 

### **Cơ sở Y tế**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cơ sở Y tế** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Số Giường** | **Số phòng** | **Hiện trạng** | | | |
|  | Kiên cố | Bán  kiên cố | Tạm |
|  | Bệnh viện[[4]](#footnote-4) | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |  |
|  | Trạm y tế | Bách Lợi | 2009 | 8 | 10 | x |  |  |
|  | Cơ sở khám | 0 | 0 | 0 |  | 0 |  |  |
|  | ***Ghi chú khác*** | | | | | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | | | | |

### 

### **e)Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trụ sở** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Đơn vị** | **Hiện trạng** | | |
| Kiên cố | Bán kiên cố | Tạm |
|  | Trụ Sở UBND | Bách Lợi | 2012 | Phòng: | 24 |  |  |
|  | Nhà văn hóa xã |  | 2009;2017 | Cái: | 2 |  |  |
| *1* | Nhà VH thôn Long Khang | Long Khang | 2015 |  | 1 | 1 |  |
| *2* | Nhà VH thôn ***Bách Lợi*** | ***Bách Lợi*** | 2005 | Cái |  | 2 |  |
| 3 | Nhà VH thôn Trung Bắc | Trung Bắc | 2001 | Cái |  | 2 |  |
| 4 | Nhà VH thôn Thắng Thịnh | Thắng Thịnh | 2005 | Cái |  | 2 |  |
|  | ***Ghi chú khác*** | | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | |

## **Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Đơn vị** | **Năm xây dựng** | **Số lượng** | | |
| Kiên cố | Bán  kiên cố | Chưa kiên cố (không an toàn) |
| Thôn Long Khang | | | | | | |
|  | Kênh mương | Km | 2011-2018 | 3.3 | 1 | 0 |
|  | Cống thủy lợi | Cái |  | 20 | 0 | 0 |
| Thôn Bách Lợi | | | | | | |
|  | Kênh mương | Km | 2011-2018 | 2.9 | 0.8 | 0 |
|  | Cống thủy lợi | Cái | 2011-2018 | 15 | 0 | 0 |
|  | Trạm bơm | Cái |  | 1 | 0 | 0 |
| Thôn Trung Bắc | | | | | | |
|  | Kênh mương | Km | 2011-2018 | 3.3 | 0.8 | 0 |
|  | Cống thủy lợi | Cái | 2011-2018 | 16 | 0 | 0 |
|  | Trạm bơm | Cái |  | 0 | 0 | 0 |
| Thôn Thắng Thịnh | | | | | | |
|  | Kênh mương | Km | 2011-2018 | 2.5 | 0.5 | 0 |
|  | Cống thủy lợi | Cái |  | 12 | 0 | 0 |
|  | Trạm bơm | Cái |  | 1 | 0 | 0 |
|  | Ghi chú khác | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | |

## **Nhà ở**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thôn** | **Số hộ** | **Nhà kiên cố** | **Nhà bán kiên cố** | **Nhà thiếu kiên cố** | **Nhà đơn sơ** |
| *1* | Long Khang | 292 | 220 | 72 | 0 | 0 |
| 2 | Bách Lợi | 247 | 205 | 42 | 0 | 0 |
| 3 | Trung Bắc | 245 | 206 | 39 | 0 | 0 |
| 4 | Thắng Thịnh | 239 | 211 | 28 | 0 | 0 |
|  | **Tổng** | 1023 | 842 | 181 | 0 | 0 |
|  | ***Ghi chú khác*** | | | | | |

## 

## **Nước sạch, vệ sinh và môi trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TTTT** | **Tên thôn** | **Số hộ** | **Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt** | | | | | **Số hộ sử dụng nhà vệ sinh** | | |
|  | **Giếng**  **(đào/**  **khoan)** | **Nước máy** | **Trạm cấp nước công cộng** | **Tự chảy** | **Bể chứa nước** | **Hợp vệ sinh**  **(tự hoại, bán tự hoại)** | **Tạm** | **Không có** |
| *1* | Long Khang | 292 | 110 | 182 | 0 | 0 | 210 | 292 | 0 | 0 |
| 2 | Bách Lợi | 247 | 57 | 190 | 0 | 0 | 195 | 247 | 0 | 0 |
| 3 | Trung Bắc | 245 | 38 | 207 | 0 | 0 | 185 | 245 | 0 | 0 |
| 4 | Thắng thịnh | 239 | 36 | 203 | 0 | 0 | 170 | 239 | 0 | 0 |
|  | **Tổng** | **1023** | **241** | **782** | **0** | **0** | **760** | **1023** | **0** | **0** |
|  | ***Ghi chú khác*** | | | | | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | | | | |

1. **Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý : Không**

## **Hiện trạng dịch bệnh phổ biến**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại dịch bệnh phổ biến** | **Trẻ em** | **Phụ nữ** | **Nam giới** | **Trong đó Người cao tuổi** | **Trong đó Người khuyết tật** |
|  | Sốt rét | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Sốt xuất huyết | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Viêm đường hô hấp | 161 | 60 | 114 | 75 | 3 |
|  | Tay chân miệng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Số ca bệnh phụ khoa (thường do đk nước sạch và vệ sinh không đảm bảo) | 0 | 95 | 0 | 0 | 0 |
| ***Ghi chú khác*** | | | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | | |

## **Hoạt động sản xuất kinh doanh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | **Đơn vị tính** | **Thôn** | **Số hộ tham gia** | **Tỷ lệ nữ** | **Đặc điểm sản xuất kinh doanh** | |
| Tiềm năng phát triển (\*) | Tỷ lệ (%) thiệt hại (\*\*) |
| **Thôn Long Khang** | |  |  |  |  |  |  |
|  | Trồng trọt | Ha |  |  |  | Cây lạc là cây có tiềm năng kinh tế cao |  |
| -        Lúa | 34.6 |  | 270 | 85% |
| -        Hoa màu | 1.5 |  | 12 | 95% |
| -        Cây lâu năm |  |  |  |  |
| -        Cây hàng năm | 4.6 |  | 20 | 50% |
| -        Cây ăn quả |  |  |  |  |
|  | Chăn nuôi | *Con* |  |  |  |  |  |
| -   Gia súc | *330* |  | 120 | 70% |
| -   Gia cầm | *1200* |  | 147 | 60% |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt | không có |  |  |  |  |  |
| -   Người dân đi biển |  |  |  |  |  |  |
| -   Tàu thuyền gần bờ |  |  |  |  |  |  |
| -   Tàu thuyền gần bờ |  |  |  |  |  |  |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng | Ha |  |  |  |  |  |
| -   Bãi nuôi |  |  |  |  |  |  |
| -   Ao, hồ nuôi: ha | 2 |  | 12 | 20% |  |  |
| -   Lồng bè |  |  |  |  |  |  |
|  | Du lịch |  |  |  |  |  |  |
| -   Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn |  |  |  |  |  |  |
| -   Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống |  |  |  |  |  |  |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  |  | 55 | 40% |  |  |
| **Thôn Trung Bắc** | |  |  |  |  |  |  |
|  | Trồng trọt | Ha |  |  |  |  |  |
| -        Lúa | 20.6 |  | 327 | 90% |  |  |
| -        Hoa màu | 16 |  |  | 60% |  |  |
| -        Cây lâu năm | 1 |  |  | 20% |  |  |
| -        Cây hàng năm |  |  |  |  |  |  |
| -        Cây ăn quả |  |  |  |  |  |  |
|  | Chăn nuôi con |  |  |  |  |  |  |
| -   Gia súc 228 | 228 |  |  | 75% |  |  |
| -   Gia cầm 1200 | 1200 |  |  | 60% |  |  |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt |  |  |  |  |  |  |
| -   Người dân đi biển |  |  |  |  |  |  |
| -   Tàu thuyền gần bờ |  |  |  |  |  |  |
| -   Tàu thuyền gần bờ |  |  |  |  |  |  |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng |  |  |  |  |  |  |
| -   Bãi nuôi |
| -   Ao, hồ nuôi |
| -   Lồng bè |
|  | Du lịch |  |  |  |  |  |  |
| -   Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn |  |  |  |  |  |  |
| -   Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống |  |  |  |  |  |  |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  |  | 63 | 45% |  |  |
| **Thôn Thắng Thịnh** | |  |  |  |  |  |  |
|  | Trồng trọt ha | Ha |  |  |  |  |  |
| -        Lúa 17,9 | 17.9 |  | 289 | 92% |  |  |
| -        Hoa màu 3,4 | 3.4 |  |  | 86% |  |  |
| -        Cây lâu năm | 1.1 |  |  | 36% |  |  |
| -        Cây hàng năm | 0 |  |  |  |  |  |
| -        Cây ăn quả |  |  |  |  |  |  |
|  | Chăn nuôi con |  |  |  |  |  |  |
| -   Gia súc 380 | 380 |  | 215 | 70% |  |  |
| -   Gia cầm 5800 | 5800 |  | 239 | 60% |  |  |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt |  |  |  |  |  |  |
| -   Người dân đi biển |  |  |  |  |  |  |
| -   Tàu thuyền gần bờ |  |  |  |  |  |  |
| -   Tàu thuyền gần bờ |  |  |  |  |  |  |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng |  |  |  |  |  |  |
| -   Bãi nuôi |  |  |  |  |  |  |
| -   Ao, hồ nuôi 01ha | 1 | 01 hộ |  | 90% |  |  |
| -   Lồng bè |  |  |  |  |  |  |
|  | Du lịch |  |  |  |  |  |  |
| -   Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn |  |  |  |  |  |  |
| -   Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống |  |  |  |  |  |  |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  |  | 67 | 40% |  |  |
| **Thôn Bách Lợi** | |  |  |  |  |  |  |
|  | Trồng trọt |  |  |  |  |  |  |
| -        Lúa | 32.14 |  | 348 | 90% |  |  |
| -        Hoa màu | 11.7 |  |  | 80% |  |  |
| -        Cây lâu năm | 3.1 |  |  | 30% |  |  |
| -        Cây hàng năm |  |  |  |  |  |  |
| -        Cây ăn quả |  |  |  |  |  |  |
|  | Chăn nuôi |  |  |  |  |  |  |
| -   Gia súc | 962 |  |  | 65% |  |  |
| -   Gia cầm | 1000 |  |  | 68% |  |  |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt |  |  |  |  |  |  |
| -   Người dân đi biển |  |  |  |  |  |  |
| -   Tàu thuyền gần bờ |  |  |  |  |  |  |
| -   Tàu thuyền gần bờ |  |  |  |  |  |  |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng |  |  |  |  |  |  |
| -   Bãi nuôi |  |  |  |  |  |  |
| -   Ao, hồ nuôi | 0 |  |  |  |  |  |
| -   Lồng bè |  |  |  |  |  |  |
|  | Du lịch |  |  |  |  |  |  |
| -   Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn | 0 |  |  |  |  |  |
| -   Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống |  |  |  |  |  |  |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  |  | 70 | 70% |  |  |

|  |
| --- |
| ***Ghi chú khác***  Các lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v. |
| ***Hướng dẫn điền***  *(\*) Mục tiềm năng phát triển: ghi rõ đánh giá của cộng đồng/xã xem đây có phải là ngành kinh tế chủ lực và xu hướng đầu tư phát triển của người dân và xã đối với ngành/lĩnh vực này trong 10-20 năm tới.*  *(\*\*) Mục này điền số % - dựa trên kết quả nhận định chung về mức độ thiệt hại do thiên tai* ***thường xuyên*** *xảy ra với lĩnh vực này* |

## **Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Địa bàn Thôn** |
| **Thôn Long Khang** | |  |  |  |
| 1 | Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh | % | 100 |  |
| 2 | Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh | % | 100 |  |
| 3 | Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới) | cái | 4 |  |
| 4 | Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh bảo sớm/khẩn cấp khác (còi ủ, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn | % | 100 |  |
| 5 | Số trạm khí tượng, thủy văn |  | 0 |  |
| 6 | Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu) | Không có |  |  |
| 7 | Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin | Hộ | 246 |  |
| **Thôn Bách Lơi** | |  |  |  |
| 1 | Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh | % | 100 |  |
| 2 | Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh | % | 100 |  |
| 3 | Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới) | cái | 8 |  |
| 4 | Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh bảo sớm/khẩn cấp khác (còi ủ, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn | % | 100 |  |
| 5 | Số trạm khí tượng, thủy văn |  | 0 |  |
| 6 | Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu) | Không có | 100 |  |
| 7 | Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin | Hộ | 219 |  |
| **Thôn Trung Bắc** | |  |  |  |
| 1 | Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh | % | 100 |  |
| 2 | Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh | % | 100 |  |
| 3 | Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới) | cái | 6 |  |
| 4 | Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh bảo sớm/khẩn cấp khác (còi ủ, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn | % | 100 |  |
| 5 | Số trạm khí tượng, thủy văn | Trạm | 0 |  |
| 6 | Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu) | Không có | 100 |  |
| 7 | Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin | Hộ | 205 |  |
| **Thôn Thắng Thịnh** | |  |  |  |
| 1 | Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh | % | 100 |  |
| 2 | Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh | % | 100 |  |
| 3 | Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới) | cái | 7 |  |
| 4 | Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh bảo sớm/khẩn cấp khác (còi ủ, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn | % | 100 |  |
| 5 | Số trạm khí tượng, thủy văn | Trạm | 0 |  |
| 6 | Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu) | Không có | 100 |  |
| 7 | Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin | Hộ | 201 |  |
| ***Ghi chú khác*** | | | | |  |  |
| ***Hướng dẫn điền***  *Phần nhận xét cần thêm: loại thông tin dự báo TT và BĐKH nào? Được chuyển tải đến người dân bằng những kênh thông tin nào? Thông tin có dễ hiểu và dễ làm theo cho các đối tượng DBTT không? (PN, trẻ em, người già, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật…)* | | | | |

## **Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| 1 | Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm | Thôn | 4 | 4/4 thôn |
| 2 | Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm | Trường | 3 | Trường Mần Non, Trường Tiểu học, Trường Trung học cơ sở |
| 3 | Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã | Lần | 0 | Gửi người sang Nga Tân và Nga Thủy tham gia diễn tập khi có tổ chức |
| 4 | Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã | Người | 25 |  |
|  | * Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì | Người | 3 | Ban chỉ huy |
|  | * Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCĐ hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu | Người | 3 |  |
| 5 | Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã | Người | 30 |  |
|  | * Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì | Người | 3 |  |
| 6 | Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TƯBĐKH dựa vào cộng đồng | Người | 11 |  |
|  | * Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì | Người | 3 |  |
| 7 | Số lượng Phương tiện PCTT tại xã: |  |  |  |
|  | * Ghe, thuyền: | Chiếc | 0 |  |
|  | * Áo phao | Chiếc | 2 |  |
|  | * Loa | Chiếc | 9 |  |
|  | * Đèn pin | Chiếc | 102 |  |
| 3 | * Máy phát điện dự phòng | Chiếc | 9 | Máy trong dân có thể huy động khi cần |
|  | * Lều bạt | Chiếc | 0 |  |
|  | * Xe vận tải | Chiếc | 15 | Xe trong dân có thể huy động được |
| 8 | Số lượng vật tư thiết bị dự phòng |  |  |  |
|  | * Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ | Đơn vị | 3kg | Cloramine B |
| 9 | Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ | Đơn vị: | Đủ: 10 loại |  |
| 10 | Khác.... |  |  |  |
| ***Ghi chú khác*** | | | | |
| ***Hướng dẫn điền*** | | | | |

1. **Các lĩnh vực/ngành then chốt khác**
2. **Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TƯBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ** | **Long Khang** | **Bách Lợi** | **Trung Bắc** | **Thắng Thịnh** | **Khả năng của xã**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| 1 | Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục) | *Cao*  90% dân có kiến thức | *Cao*  90% dân có kiến thức | *Cao*  90% dân có kiến thức | *Cao*  90% dân có kiến thức | Cao |
| 2 | Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng |  |  |  |  |  |
|  | * Điện: điện lực huyện thực hiện | 100% | 100% | 100% | 100% | cao |
|  | * Đường và cầu cống: thuê nhà thầu làm | 100% | 100% | 100% | 100% | cao |
|  | * Trường: Ban giám hiệu và nhà trường | 100% | 100% | 100% | 100% | cao |
|  | * Trạm y tế: nhân viên y tế | 90% | 90% | 90% | 90% | cao |
|  | * Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa | 100% | 100% | 100% | 100% | cao |
|  | * Chợ |  |  |  |  | cao |
| 3 | Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi: nạo vét kênh mương; HTX nông nghiệp vận hành điều tiết nước | 100% công trình | 100% công trình | 100% công trình | 100% công trình | cao |
| 4 | Kỹ năng và kiến thức chằng chống nhà cửa | 86% | 85% | 87% | 87% | cao |
| 5 | Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường | 97% hộ dân | 98,2% hộ dân | 97% hộ dân | 98% hộ dân | cao |
| 6 | Khả năng kiểm soát dịch bênh của đơn vị y tế  Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân | 100%  100% | 100%  100% | 100%  100% | 100%  100% | cao |
| 7 | Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý | 0 | 0 | 0 | 0 | cao |
| 8 | Hoạt động sản xuất kinh doanh | 100% | 100% | 100% | 100% | cao |
| 9 | Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm | 80% | 80% | 80% | 80% | cao |
|  | **Khả năng của thôn**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* | cao | cao | cao | cao | cao |
|  |

1. **Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã**
2. **Rủi ro với dân cư và cộng đồng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão/lụt | Thôn Long Khang | 292 | \***Vật chất:**  - Nhà bán kiên cố: 72 nhà.  Có 01 nhà văn hóa bán kiên cố (ở thôn 2 cũ) chưa đảm bảo làm nơi tiếp nhận người sơ tán khi có thiên tai  - Hệ thống điện: Có 20% số hộ có đường dây điện sau công tơ chưa đảm bảo do lâu ngày đường dây bị xuống cấp không đảm bảo khi có thiên tai. Trường học: Ngõ và sân Trường Mầm Non bị ngập úng.- Đường điện dẫn vào khu dân cư chất lượng không đồng đều.  - Giao thông: Có 300m đường giao thông nội đồng chưa được bê tông hóa gây khó khăn cho việc sơ tán cụ thể tuyến đường ngõ ông Lợi thôn 1 cũ đi Tây đê Quảng Hiệp.  - Nhóm dễ bị tổn thương: trẻ em dưới 5 tuổi: 99, Trẻ em từ 5-18 tuổi: 207, người già: 130, người khuyết tật 30, phụ nữ có thai 9, người bị bệnh hiểm nghèo 3, người nghèo 11, người dân tộc tiểu số: 2 người  - Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn: Không có các trang thiết bị cứu hộ cơ bản như: áo phao, xuồng cứu hộ, loa cầm tay. Hệ thống truyền thanh có 02 loa bị xuống cấp không đảm bảo thông tin.  **\* Tổ chức xã hội:**  - Có đội xung kích nhưng chưa được tập huấn về nghiệp vụ phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.  - Các nơi tiếp nhận người dân sơ tán còn thiếu nhà vệ sinh, nước sinh hoạt, bếp nấu…  \* Nhận thức và kinh nghiệm:  Một số hộ dân 20% còn chủ quan với thiên tai, chưa có ý thức tham gia bảo vệ hệ thống cơ sở hạ tầng công cộng. | **\*Vật chất:**  Nhà kiên cố: 220 hộ trong đó có 120 nhà cao tầng có thể tiếp nhận người dân sơ tán.  - Trường học: Trường TH&THCS và 01 nhà văn hóa ở thôn 1 cũ có thể sơ tán những hộ nằm trong vùng cơ cao khi có bão, lụt - Cột điện: 59 cột bê tông, dây điện 2,3km hạ thế, trạm biến áp 01 (an toàn); Số hộ có điện: 292 hộ, 100% hộ dùng điện an toàn. - Giao thông: Có 0,4 km đường nhựa liên xã.  - 3,01 km đường giao thông liên thôn, 4,4 km đường nội đồng đã bê tông hóa.  - Có hệ thống truyền thanh 03 loa đảm bảo tốt cho việc tuyên truyền.  - Có 81% hộ sử dụng Internet.  - Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và thu gom rác thải  - Có hệ thống cung cấp nước sạch.  - Có 2 xe tải, 2 xe con, 2 xe công nông, 98% các hộ có xe máy, 100% hộ gia đình có điện thoại di động.  - 88% có bể nước dự trữ. -18% hộ có điều hòa.  - Có 4 phát điện dự phòng. - Có 1 xe, 2 xe công nông, 4 xe ba gác phục vụ nhân dân khi có thiên tai xảy ra. Có 4 sọt tre.  -Vật tư PCTT: Có 36 bó ròng. Có 40 cây tre. Có 550 cái bao bì. Có 90% hộ dân có thuốc y tế sơ cứu tại chỗ.  \* **Tổ chức xã hội:**  Tuyên truyền qua các đoàn thể như: Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Nông dân phối hợp với Ủy ban mặt trận tổ quốc xã tuyên truyền cho đoàn viên, hội viên và nhân dân về phòng chống thiên tai.  - Có đội xung kích thôn gồm 08 thành viên trong đó có 02 người là nữ.  \* **Nhận thức và kinh nghiệm**:  - Chằng chống nhà cửa trước khi có bão, lụt. Chuẩn bị lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm ...  - Nhân dân có kinh nghiệm dân gian dự đoán thời tiết thay đổi và khả năng phòng chống.  - Dùng bao tải cát chận lên mái nhà, chống tốc mái.  - Cắt tỉa cành cây, tránh cây gẫy đổ vào nhà và các công trình khác, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản. | - Nhà bị lốc mái.  - Mất điện.. - Ô nhiễm nguồn nước. | Trung bình |
| Bão/lụt | Thôn Bách Lợi | 247 | **\* Vật chất:**  - 2 nhà văn hóa thôn bán kiên cố được xây dựng năm 2005 không đảm bảo cho nhân dân sơ tán đến khi xảy ra thiên tai.  - 42 Nhà bán kiên cố  - Đối tượng người dễ tổn thương: 156 trẻ em dưới 5 tuổi, 172 trẻ em 5 đến 18 tuổi, 15 nữ có thai và đang nuôi con dưới 12 tháng, 111 người cao tuổi, 17 người khuyết tật, 7 hộ nghèo, 1 người dân tộc thiểu số.  - 50% Chuồng trại chăn nuôi tạm bợ -10% hộ chưa có thuốc sơ cứu dự phòng g tại nhà. - 2 loa truyền thanh xuống cấp.- Khu vực đất đồng màu Đội Cao dễ bị hạn hán;  - Thiếu nguồn thức ăn Gia súc,gia cầm do thiếu nước;  - Thiếu nước sinh hoạt  - Mất điện luân phiên  **\* Tổ chức xã hội:**  - Có đội xung kích nhưng chưa được tập huấn về nghiệp vụ phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.  - Các nơi tiếp nhận người dân sơ tán còn thiếu nhà vệ sinh, nước sinh hoạt, bếp nấu…  \* **Nhận thức và kinh nghiệm:**  Một số hộ dân 20% còn chủ quan với thiên tai, chưa có ý thức tham gia bảo vệ hệ thống cơ sở hạ tầng công cộng. | **\* Vật chất:**  - Nhà kiên cố 205  - Có hệ thống rãnh thoát nước thải sinh hoạt  Nơi trú ẩn an toàn ( trụ sở UBND xã; trạm y tế);  - 7 loa truyền thanh tiếp cận được 100% hộ dân được tiếp cận loa truyền thanh.  - Vật tư PCTT: 600 bao tải, 250 bao cát, cọc tre 100 cái, phên liếp 50m và các vật tư hỗ trợ chống tràn và vở đê theo quy định của xã.  - Xe máy 100% hộ, xe ba gác 6 cái, ô tô con 4 cái. - Điện thoại di động 100%;  -Sử dụng internet 201 hộ. (điện thoại thông minh)  - 50% chuồng trại kiên cố - Số hộ tiếp nhận được cảnh báo thiên tai kịp thời 100% - 90% hộ đã có thuốc sơ cứu dự phòng  - Có 03 máy phát điện dự phòng khi mất điện. - 100 % hộ gia đình có quạt máy, quạt tích điện.  - 20% hộ có điều hòa.  **\* Tổ chức xã hội**:  Tuyên truyền qua các đoàn thể như: Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Nông dân phối hợp với Ủy ban mặt trận tổ quốc xã tuyên truyền cho đoàn viên, hội viên và nhân dân về phòng chống thiên tai.  - Thôn có tiểu ban phòng chống thiên tai 14 người, lực lượng phòng chống thiên tai lưu động và tại chỗ 40 người.  \* **Nhận thức và kinh nghiệm:**  - Chằng chống nhà cửa trước khi có bão, lụt. Chuẩn bị lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, thu hoạch lúa, cây hoa màu trước khi thiên tai xảy ra.  - Hầu hết người dân đã chuẩn bị tốt lương thực thực phẩm dự phòng. - Dân cư sống tập trung, tính cộng đồng cao; | - Ngập lụt vùng đầm xóm 8; - Tốc mái, đổ chuồng trại | Trung bình |
| Bão/lụt | Thôn Trung Bắc | 245 | **\*Vật chất:**  - 39 nhà bán kiên cố chưa chằng chống, trong đó có 11 nhà đã xuống cấp.  - Có 02 nhà văn hóa bán kiên cố chưa đảm bảo cho việc tiếp nhận người dân khi có thiên tai..  - Đối tượng dễ bị tổn thương: Trẻ em dưới 5 tuổi: 105, trẻ em từ 5 đến 18 tuổi: 171; phụ nữ có thai: 13 người; người cao tuổi: 129; khuyết tật: 22 người, nghèo: 09 người; người dân tộc thiểu số 02.  - Thiếu phương tiện cho hoạt động phòng chống thiên tai: Loa cầm tay, cáng cứu thương, dụng cụ sơ cấp cứu, cứu hộ, cứu nạn; các trang bị bảo hộ cho lực lượng phòng chống thiên tai như: áo phao, áo bảo hộ lao động, ủng, đèn pin, áo mưa …  - Đường đất còn 0,7 km chưa được kiên cố hóa.  - Cột điện đã xuống cấp 08 cột. đường dây điện của một số hộ gia đình không đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão.  - Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo chiếm 30%.  - Diện tích ngập lụt là khu vực Đìa cổ, Đìa ông Tới diện tích 2,1ha.  - 40% hộ gia đình chưa có tủ thuốc dự trữ trong nhà.  **\* Tổ chức xã hội**:  - Lực lượng xung kích tại chỗ thiếu, khi có thiên tai xảy ra do lực lực lượng chính đi làm ăn xa.  - Kỹ năng của lực lượng tại chỗ còn hạn chế, do chưa được tập huấn, trang bị kiến thức TKCN và diễn tập.  - Các nơi tiếp nhận người dân sơ tán còn thiếu nhà vệ sinh, nước sinh hoạt, bếp nấu…  \* **Nhận thức và kinh nghiệm:**  - Nhận thức của người dân về thiên tai và biến đổi khí hậu còn hạn chế.  - Nhiều hộ dân còn chủ quan trong phòng chống thiên tai.  - Thực hiện phương châm 4 tại chỗ còn những hạn chế nhất định.  - Chưa được tập huấn kỹ năng bơi lội, còn nhiều người chưa biết bơi đặc biệt là trẻ em và phụ nữ. | **\*Vật chất:**  - Nhà an toàn: 206 nhà kiên cố;  - 42 cột điện bê tông, xây dựng từ năm 1986.  - 1,9km dây điện đường hạ thế.  - 100% số hộ sử dụng điện.  - 185 hộ có bể nước dự trữ.  - Hệ thống truyền thanh 100%, số loa phát thanh 08 loa.  - Đường bê tông liên thôn 4 km, đường bê tông nội đồng 2,7 km.  - Mỗi đơn vị chuẩn bị 400 bao bì, 20 bó ròng, 40 cây tre, 60 kg rơm.  - Số hộ sử dụng điện thoại di động là 245 hộ = 100%, phương tiện xe máy 286 cái, Công nông, xe tải = 2 cái, xe hơi 04 cái.  - 100% số hộ sử dụng vô tuyến truyền hình.  - Có 03 hộ làm xay xát, 05 hộ làm cơ khí.  - Hệ thống chuồng trại chăn nuôi đảm bảo đạt 70%.  - 60% hộ gia đình có thuốc dự trữ trong nhà.  - 100% hộ có ti vi, quạt điện và hệ thống đèn chiếu sáng, 34 hộ cố điều hòa.  - 86% số hộ có bể nước dự trữ.  - 100% hộ sử dụng điện lưới.  - Có 03 hộ làm xay xát, 05 hộ làm cơ khí.  - Có KH, PCTT và thực hiện phương châm 4 tại chỗ: Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện vật tư tại chỗ, hậu cần tại chỗ.  **\* Tổ chức xã hội:**  - Đội xung kích phòng chống thiên tai của thôn gồm 20 thành viên.  - Tiểu ban phòng chống thiên tai ở thôn là 07 người, lực lượng cơ động và tại chỗ 20 người, an ninh 3 người, y tế thôn 01 người.  - Tuyên truyền qua các đoàn thể như: Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Nông dân phối hợp với Ủy ban mặt trận tổ quốc xã tuyên truyền cho đoàn viên, hội viên và nhân dân về phòng chống thiên tai.  **\* Nhận thức và kinh nghiệm:**  - Chằng chống nhà cửa trước khi có bão, lụt. Chuẩn bị lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm ...  - Về mùa mưa bão hầu hết các hộ đã chuẩn bị được lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh dự phòng.  - Khi có thiên tai đã thông tin kịp thời cho người dân bằng nhiều hình thức như: truyền thanh, điện thoại, trực tiếp. | - Thiệt hại về người khi có bão  - Ứng phó thiên tai kém hiệu quả  - Có 04 loa hoạt động kém hiệu quả.  - Nhà bị đổ, tốc mái | Thấp  Thấp  Thấp  Thấp |
| Bão | **Thôn Thắng Thịnh** | 239 | **\* Vật chất:**  - 28 nhà bán kiên cố và 02 nhà văn hóa bán kiên cố không đủ an toàn không đảm bảo là nơi sơ tán cho người dân khi có thiên tai.  - 30% đường điện dẫn vào nhà dân bị xuống cấp.  - Nguồn nước bị ô nhiễm sau khi lụt, bị ảnh hưởng của chất thải sinh họat và chăn nuôi.  - Đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm trẻ em dưới 5 tuổi là 74, trong đó nữ 41 ,trẻ em 5 - 18 tuổi: 175, phụ nữ có thai và nuôi con dưới con nhỏ tháng 12, người cao tuổi 127, người khuyết tật 13, người nghèo 10, người dân tộc thiểu số 3.  **Tổ chức xã hội:**  - Lực lượng xung kích tại chỗ thiếu, khi có thiên tai xảy ra do lực lực lượng chính đi làm ăn xa.  - Kỹ năng của lực lượng tại chỗ còn hạn chế, do chưa được tập huấn, trang bị kiến thức TKCN và diễn tập.  - Các nơi tiếp nhận người dân sơ tán còn thiếu nhà vệ sinh, nước sinh hoạt, bếp nấu…  **\* Nhận thức và kinh nghiệm:**  - Nhận thức của người dân về thiên tai và biến đổi khí hậu còn hạn chế.  - Nhiều hộ dân còn chủ quan trong phòng chống thiên tai.  - Thực hiện phương châm 4 tại chỗ còn những hạn chế nhất định.  - Chưa được tập huấn kỹ năng bơi lội, còn nhiều người chưa biết bơi đặc biệt là trẻ em và phụ nữ. | **\* Vật chất:**  - Nhà an toàn: 206 nhà kiên cố; 42 cột điện bê tông, xây dựng từ năm 1986, dây điện 1,9km đường hạ thế.  - 100% số hộ sử dụng điện.  - Nhà an toàn: 206 nhà kiên cố.  - 185 hộ có bể nước dự trữ.  - Hệ thống truyền thanh 100%, số loa phát thanh 08 loa.  - Đường bê tông liên thôn 4 km, đường bê tông nội đồng 2,7 km.  - Mỗi đơn vị chuẩn bị 400 bao bì, 20 bó ròng, 40 cây tre, 60 kg rơm.  - Số hộ sử dụng điện thoại di động là 239 hộ = 100%, phương tiện xe máy 261 cái, xe tải = 1 cái, xe hơi 04 cái.  - Số hộ sử dụng vô tuyến = 100%.  - Có 03 hộ làm xay xát, 05 hộ làm cơ khí.  - Hệ thống chuồng trại chăn nuôi đảm bảo đạt 70%.  - 60% hộ gia đình có thuốc dự trữ trong nhà.  - 100% hộ có ti vi, quạt điện và hệ thống đèn chiếu sáng, 34 hộ cố điều hòa.  - 86% số hộ có bể nước dự trữ.  - 100% hộ sử dụng điện lưới.  - Có 03 hộ làm xay xát, 05 hộ làm cơ khí.  - Có KH, PCTT và thực hiện phương châm 4 tại chỗ: Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện vật tư tại chỗ, hậu cần tại chỗ.  **\* Tổ chức xã hội:**  - Đội xung kích phòng chống thiên tai của thôn gồm 20 thành viên.  - Tiểu ban phòng chống thiên tai ở thôn là 07 người, lực lượng cơ động và tại chỗ 20 người, an ninh 3 người, y tế thôn 01 người.  **-** Tuyên truyền qua các đoàn thể như: Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Nông dân phối hợp với Ủy ban mặt trận tổ quốc xã tuyên truyền cho đoàn viên, hội viên và nhân dân về phòng chống thiên tai.  \* **Nhận thức và kinh nghiệm:**  - Chằng chống nhà cửa trước khi có bão, lụt. Chuẩn bị lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm ...  - Về mùa mưa bão hầu hết các hộ đã chuẩn bị được lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh dự phòng.  - Khi có thiên tai đã thông tin kịp thời cho người dân bằng nhiều hình thức như: truyền thanh, điện thoại, trực tiếp. | - Nhà thiếu kiến cố tốc mái | Trung bình |

1. **Hạ tầng công cộng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Bão/lụt | Thôn Long Khang | 292 | **Vật chất:**  - 1 nhà văn hóa thôn và 72 nhà bán kiên cố.  - Các nơi tiếp nhận người dân sơ tán còn thiếu nhà vệ sinh, nước sinh hoạt, bếp nấu…  - 0,3 km đường nội đồng bằng đất.  - 20% dây điện sau công tơ của một số hộ gia đình không đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão.  - Cổng trường Mầm Non bị ngậm nước.  - Thường xuyên mất điện luân phiên vào mùa hạn do quá tải.  - 1 km kênh mương bán kiên cố ảnh hưởng đến việc tiêu úng và khi đưa nước tưới làm thất thoát lượng nước trên đường dẫn về đồng ruộng.  **Tổ chức xã hội:**  Tổ báo vệ và tổ an ninh chưa được tập huấn nghiệp vụ.  Nhận thức và kinh nghiệm:  Một số người dân chưa có ý thức bảo vệ các công trình công cộng.  - Còn xem việc bảo vệ các công trình là của tập thể. | **Vật chất:**  - 1 trạm y tế - 1 nhà văn hóa  - Cột điện: 59 cột hạ thế bê tông xây dựng năm 1992, dây điện 2,3 km kiên cố. - Trạm 01 biến áp (an toàn);  - 0,4 km đường nhựa liên xã.  - 3,01 km đường bê tông liên thôn.  - 4,4 km đường nội đồng đã bê tông hóa,  - Trường TH&THCS và trường Mầm Non đảm bảo kiên cố.  - Công trình thủy lợi: 20 cống thủy lợi kiên cố.  - 3,3 km kênh mương được kiên cố hóa.  **Tổ chức xã hội:**  - Tổ bảo vệ thôn gồm 03 người.  - Tổ an ninh gồm 03 người.  - Đội xung kích phòng chống thiên tai của thôn gồm 20 thành viên.  - Hội Cựu chiến của thôn có tuyến đường tự quản tuyến đường từ nhà ông Đào Văn Hành đi ra Nga Thủy.  - Tiểu ban phòng chống thiên tai ở thôn là 07 người, lực lượng cơ động và tại chỗ 20 người, an ninh 3 người, y tế thôn 01 người.  **Nhận thức và kinh nghiệm:**  - Đa phần ý thức bảo vệ của người dân đối với các công trình công cộng tốt. | - Cột điện bị đỗ., - Đường bị hư hỏng. -Ngập úng ở khu Rọc họ, Rọc phương. | - Thấp |
| Bão | Thôn Bách Lợi | 247 | **Vật chất:**  - 2 nhà văn hóa thôn bán kiên cố được xây dựng năm 2005.  - 02 loa truyền thanh bị xuống cấp nên trong công tác tuyên truyền có 15% người dân chưa tiếp nhận được thông tin.  - Hiện tại trạm y tế mới có 4 y sỹ và một dược tá, hiện chưa có bác sỹ  - 10 cột điện xuống cấp, 200m dây điện vào các hộ gia đình từ sau công tơ chưa đảm bảo an toàn.   - 0,8 km kênh mương bán kiên cố thoát nước chậm không đảm bảo.  - Thường xuyên mất điện luân phiên vào mùa hạn do quá tải.  **Tổ chức xã hội:**  Tổ báo vệ và tổ an ninh chưa được tập huấn nghiệp vụ.  Nhận thức và kinh nghiệm:  Một số người dân chưa có ý thức bảo vệ các công trình công cộng.  - Còn xem việc bảo vệ các công trình là của tập thể. | **Vật chất:**  - 44 cột điện hạ thế bê tông đươc xây dựng từ năm 1992;  - 1,77 km đường dây diện an toàn,  - Có 01 trạm bơm phục vụ nước tưới.  - 2 trạm biến áp (an toàn).  - 01 Trạm y tế được xây dựng năm 2009 có 10 phòng và 8 giường là nơi an toàn có thẻ tiếp nhận nhân dân sơ tán khi có thiên tai. Trạm có 5 nhân viên y tế.: trạm trưởng: y sỹ, 3 y sỹ điều trị và hộ lý và một dược tá - 7 cái loa truyền thanh - 0,3 km đường liên xã rải nhựa. - 4,9 km đường liên thôn đã được bê tông.  - 3,8 km đường nội đồng đã được bê tông hóa. - 15 cống tiêu thoát ước kiên cố  - 2,9 km kênh mương kiên cố được xây dựng từ năm 2011- 2018.  **Tổ chức xã hội:**  - Tổ bảo vệ thôn gồm 03 người.  - Tổ an ninh gồm 03 người.  - Đội xung kích phòng chống thiên tai của thôn gồm 20 thành viên.  - Tiểu ban phòng chống thiên tai ở thôn là 07 người, lực lượng cơ động và tại chỗ 20 người, an ninh 3 người, y tế thôn 01 người.  **Nhận thức và kinh nghiệm:**  - Đa phần ý thức bảo vệ của người dân đối với các công trình công cộng tốt. | - Đường điện vào nhà dân chưa được an toàn - Cống thoát nước chưa tốt nên gây ngập úng. | -Thấp |
| Bão/lụt | Thôn Trung Bắc | 245 | **Vật chất:**  - Đường đất còn 0,7 km chưa được kiên cố hóa.  - Cột điện đã xuống cấp 08 cột.  - Dây điện của một số hộ gia đình không đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão.  - Các nơi tiếp nhận người dân sơ tán còn thiếu nhà vệ sinh, nước sinh hoạt, bếp nấu…  - Loa truyền thanh xuống cấp 04 cái.  Còn 0,7 km mương tiêu chưa được kiên cố, Cống yếu 5, cống tạm 5.  **Tổ chức xã hội:**  Tổ báo vệ và tổ an ninh chưa được tập huấn nghiệp vụ.  Nhận thức và kinh nghiệm:  Một số người dân chưa có ý thức bảo vệ các công trình công cộng.  - Còn xem việc bảo vệ các công trình là của tập thể. | **Vật chất:**  - Nhà văn hóa làng Hưng Trung, Hưng Bắc.  - Điện: 42 cột điện xây dựng từ năm 1986, dây điện 1,9km.  - Số hộ dùng điện an toàn: 100%, số hộ dùng điện không an toàn 0.  - 4 km đường liên thôn được bê tông hóa.  - 2,7 km đường nội đồng được kiên cố hóa.  - Là nơi tiếp nhận nhân dân trú bão an toàn như nhà văn hóa và 85 nhà cao tầng.  - Hệ thống mương tiêu 1 km, mương tưới 2 km đã được kiên cố, Cống kiên cố 10 cái.  **Tổ chức xã hội:**  - Tổ bảo vệ thôn gồm 03 người.  - Tổ an ninh gồm 03 người.  - Đội xung kích phòng chống thiên tai của thôn gồm 20 thành viên.  - Tiểu ban phòng chống thiên tai ở thôn là 07 người, lực lượng cơ động và tại chỗ 20 người, an ninh 3 người, y tế thôn 01 người.  **Nhận thức và kinh nghiệm:**  - Đa phần ý thức bảo vệ của người dân đối với các công trình công cộng tốt.  - Dùng bao tải cát chận lên mái nhà, chống tốc mái.  - Cắt tỉa cành cây, tránh cây gẫy đổ vào nhà và các công trình khác, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản. | Đường điện vào nhà dân thiếu an toàn  Đi lại khó khăn trong mùa mưa bão. | Thấp |
| Bão/lụt | Thôn Thắng Thịnh | 239 | **Vật chất:**  - Đường điện xây dựng 1992 đã xuống cấp dễ bị đổ.  - Nhiệt độ tăng cao sẽ ảnh hưởng đến nguồn điện lưới trong sinh hoạt.  **Tổ chức xã hội:**  - Đội xung kích tại chỗ thường xuyên biến động, khi có thiên tai xảy ra do lực lực lượng chính đi làm ăn xa.  - Kỹ năng của lực lượng tại chỗ còn hạn chế, do chưa được tập huấn, trang bị kiến thức TKCN và diễn tập.  **Nhận thức và kinh nghiệm:**  Một số người dân chưa có ý thức bảo vệ các công trình công cộng.  - Còn xem việc bảo vệ các công trình là của tập thể. | **Vật chất:**  - Có 66 cột điện bê tông kiên cố.  - 3,1 km đường dây điện đảm bảo an toàn, có 1 trạm biến áp điện (an toàn).  - Có 6 cái loa phát thanh.  Chuẩn bị máy phát điện, bình ắc quy dự trữ phát sáng trong sinh hoạt.  Có 01 trạm bơm phục vụ nước tưới,  mương tưới 2 km đã được kiên cố.  **Tổ chức xã hội:**  - Đội xung kích phòng chống thiên tai của thôn gồm 20 thành viên.  - Tiểu ban phòng chống thiên tai ở thôn là 07 người, lực lượng cơ động và tại chỗ 20 người, an ninh 3 người, y tế thôn 01 người.  **Nhận thức và kinh nghiệm:**  - Đa phần ý thức bảo vệ của người dân đối với các công trình công cộng tốt.  - Dùng bao tải cát chận lên mái nhà, chống tốc mái.  - Cắt tỉa cành cây, tránh cây gẫy đổ vào nhà và các công trình khác, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản. | Gây mất điện trong sinh hoạt khi có bão, lụt | Thấp |
| …. | ***Ghi chú khác*** | | | | | |
|  | | | | | | |

1. **Công trình thủy lợi**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão/lụt | Thôn Long Khang | 292 | **\*Vật chất:**  - Kênh mương 1km chưa được kiên cố phục vụ cho việc tiêu nước còn chưa kịp thời .  - Đường nội đồng 0,7 km chưa được kiên cố hóa.  - 02 cống tiêu thoát chậm (cống Đồng Hà và cống Rọc Phương). -1 km Tuyến mương Mã Cố, chân mạ, Đồng Hà chưa kiên cố có nguy cơ sạc lở, cỏ dại mọc, bèo ở lòng kênh làm hạn chế dòng chảy.  - Điều tiết nước chưa kịp thời - Chưa có nguồn nước dự trữ.  **\*Tổ chức xã hội:**  Tổ bảo vệ bảo nông của xóm chủ yếu là những người sức khỏe yếu nên trong việc nạo vét kênh mương, dẫn nước còn gặp khó khăn.  **\*Nhận thức và kinh nghiệm**: - Nhận thức của người dân còn hạn chế trong việc bảo vệ các công trình thủy lợi.  - Còn xem nhẹ và coi việc bảo vệ là của tổ dịch vụ HTX, của tổ bảo vệ bảo nông của thôn. | **\*Vật chất:**  - 20 cống thủy lợi được kiên cố hóa. - 3,3 km kênh mương được kiên cố hóa. Đủ kênh mương tươí tiêu cho 100% diện tích lúa màu  - Đường thôn có 3,01 km được kiên cố.  - Đường nội đồng có 4,4 km được bê tông, phục vụ cho nhân dân thu hoạch mùa kịp thời.  **\*Tổ chức xã hội:** - HTX điều tiết nước tưới cho các thôn.  - Tổ bảo vệ, bảo nông của xóm gồm 3 thành viên.  - Đội xung kích phòng chống thiên tai của thôn gồm 20 thành viên.  - Tiểu ban phòng chống thiên tai ở thôn là 07 người, lực lượng cơ động và tại chỗ 20 người, an ninh 3 người, y tế thôn 01 người.  **\*Nhận thức và kinh nghiệm:** - Thường xuyên nạo vét kênh mương - Ý thức bảo vệ của người dân tốt.  - Phương châm đưa nước tưới "xa trước, gần sau", đồng cao trước, đồng trũng sau.  - Hàng năm kiểm tra bồi trúc kênh mương những đoạn xung yếu. | - Một số kênh mương  có thể bị hư hỏng khi có lụt. | -Thấp |
| Hạn hán |  |  | - Do mất điện tnên máy bơm không bơm đươc nước lên ruộng hay các nơi nuôi trồng thủy sản’  - Lương nước ở sông Hưng Long không đảm bảo vào mùa khô.  - Chưa có nguồn nước dự trữ. -Hai cống cấp nước nhỏ hẹp hạn chế dòng chảy. -10% bề măt kênh mương cỏ dại mọc bao gồm cả bèo ở lòng kênh hạn chế dòng chảy | - Đủ kênh mương tươí tiêu  cho 100% diện tích lúa màu -Đa số người dân có ý thức tiêt kiệm nước, đặc biệt là tiết kiêm nước vào mùa khô hạn  -HTX điều tiết nước cho thôn. |  |  |
| Bão/lụt | Thôn Bách Lợi | 247 | **\*Vật chất:**  - 0,8 km kênh mương bán kiên cố, có nguy cơ sạt lở, cỏ dại mọc bao gồm cả bèo lòng kênh hạn chế dòng chảy, thiếu nguồn nước. | **\*Vật chất:**  - Đường xã có 0,3 km được bê tông.  - Đường thôn có 4,9 km được bê tông hóa.  - Đường nội đồng có 3,8 km được bê tông hóa phục vụ cho nhân dân sản xuất kịp lịch thời vụ.  - 2,9 km kênh mương kiên cố được xây dựng từ năm 2011- 2018. - 15 cống thủy lợi kiên cố.  **\*Tổ chức xã hội:** - HTX điều tiết nước tưới cho các thôn.  - Tổ bảo vệ, bảo nông của xóm gồm 3 thành viên.  **\*Nhận thức và kinh nghiệm:** - Thường xuyên nạo vét kênh mương 2 lần/năm - Ý thức bảo vệ của người dân tốt.  - Nạo vét kênh mương  - Ý thức BV của người dân cao - Hàng năm kiểm tra bồi trúc kênh mương những đoạn xung yếu. | Một số mương bán kiên cố có nguy cơ bị sạt lở | - Trung bình |
| Hạn Hán |  |  | - Do mất điện tnên máy bơm không bơm đươc nước lên ruộng hay các nơi nuôi trồng thủy sản’  - Lương nước ở sông Hưng Long không đảm bảo vào mùa khô.  - Chưa có nguồn nước dự trữ. | - Có tram bơm đặt tại dịa bàn thôn nên chủ đông được phần nào nguồn nước tưới.  - Đủ kênh mương tươí tiêu  cho 100% diện tích lúa màu -Đa số người dân có ý thức tiêt kiệm nước, đặc biệt là tiết kiêm nước vào mùa khô hạn  -HTX điều tiết nước cho thôn. | Kênh mương bị hư hại, xuống cấp. | Trung bình |
| Bão/lụt | Thôn Trung Bắc | 245 | **\*Vật chất:**  - Hệ thống mương tiêu, 5 cống yếu, 5 cống tạm thoát nước chậm;  - Còn 0,8 km mương tiêu khu vực Đồng Ngọc - Đồng Bầu chưa được kiên cố, cỏ dại và bèo làm cản trở dòng chảy dẫn đến việc tiêu thoát nước chậm.  \***Tổ chức xã hội:**  - Tổ bảo vệ bảo nông của thôn chưa được tập huấn kỹ năng bơi lội, còn nhiều người chưa biết bơi đặc biệt là trẻ em và phụ nữ.  **\*Nhận thức và kinh nghiệm**: - Nhận thức của người dân còn hạn chế trong việc bảo vệ các công trình thủy lợi.  - Còn xem nhẹ và coi việc bảo vệ là của tổ dịch vụ HTX, của tổ bảo vệ bảo nông của thôn. | **\*Vật chất:**   - 1,3 km mương tiêu và 2 km mương tưới đã được kiên cố đảm bảo tưới tiêu.  - 16 cống được kiên cố đảm bảo tưới và thoát nước.  - Có 02 trạm bơm do HTX quản lý điều hành chạy qua đơn vị và là đơn vị đầu nguồn nước tưới.  **\*Tổ chức xã hội**: - HTX điều tiết nước tưới cho các thôn.  - Tổ bảo vệ, bảo nông của thôn gồm 3 thành viên  **\*Nhận thức và kinh nghiệm**: - Ý thức bảo vệ của người dân tốt.  - Hàng năm kiểm tra bồi trúc kênh mương những đoạn xung yếu.  - Hệ thống mương tưới, thường xuyên nạo vét và tu sửa. | - Một số kênh mương có thể bị hư hại, giảm hiệu quả tiêu thoát nước. | Thấp |
| Bão/lụt | Thôn Thắng Thịnh | 239 | **\*Vật chất:**  - 0,5 km kênh mương chưa được kiên cố.  **\*Tổ chức xã hội:**  - Tổ bảo vệ bảo nông của thôn chưa được tập huấn kỹ năng bơi lội, còn nhiều người chưa biết bơi đặc biệt là trẻ em và phụ nữ.  **Nhận thức và kinh nghiệm:** - Nhận thức của người dân còn hạn chế trong việc bảo vệ các công trình thủy lợi.  - Còn xem nhẹ và coi việc bảo vệ là của tổ dịch vụ HTX, của tổ bảo vệ bảo nông của thôn. | **\*Vật chất**:  - 12 cống kiên cố.  - Có 2,5 km kênh mương tưới, tiêu đã được kiên cố.  **Tổ chức xã hội:** - HTX và tổ dịch vụ chủ động điều tiết nước tưới cho cây trồng.  - Tổ bảo vệ, bảo nông của xóm gồm 3 thành viên.  - Đội xung kích phòng chống thiên tai của thôn gồm 20 thành viên.  - Tiểu ban phòng chống thiên tai ở thôn là 07 người, lực lượng cơ động và tại chỗ 20 người, an ninh 3 người, y tế thôn 01 người.  **Nhận thức và kinh nghiệm:** - Thường xuyên nạo vét kênh mương - Ý thức bảo vệ của người dân tốt.  - Khơi thông dòng chảy tiêu úng.  - Hàng năm kiểm tra bồi trúc kênh mương những đoạn xung yếu.  - Chủ động dùng máy bơm nước. | Kênh mương bị hư hại, xuống cấp. | Thấp |
| Hạn hán |  |  | - Do mất điện tnên máy bơm không bơm đươc nước lên ruộng hay các nơi nuôi trồng thủy sản’  - Lương nước ở sông Hưng Long không đảm bảo vào mùa khô.  - Chưa có nguồn nước dự trữ.  - Nắng nóng kéo dài, mất điện làm ảnh hưởng đến sản xuất và bơm nước tưới cho cây trồng. | - Có 01 trạm bơm đặt địa bàn thôn giup chủ động về nước tưới  - Đủ kênh mương tươí tiêu ủ cho 100% diện tích lúa màu -Đa số người dân có ý thức tiêt kiệm nước, đặc biệt là tiết kiêm nước vào mùa khô hạn  -HTX điều tiết nước cho thôn. | Kênh mương bị hư hại, xuống cấp. | Trung bình |

1. **Nhà ở**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  ***(Cao, Trung Bình, Thấp)*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão/lụt | Long khang | 292 | **Cơ sở vật chất**  - 72 nhà bán kiên cố  - Một nhà văn hóa thôn 2 cũ xuống cấp chưa đảm bảo là nơi sơ tán cho người dân khi có thiên tai)  -Hệ thống điện: 10% số hộ có đường dây điện sau công tơ chưa đảm bảo. -35% hộ gia đình chưa có chống nóng cho nhà  Mất điện lưới. -Mất nước do mất điện.  **- \*Tổ chức xã hội**  - Chưa có các tổ chức doanh nghiệp cung cấp vật liệu xây dựng  - Một số thợ của các tổ xây dựng tay nghề chưa đồng đều  **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  Ý thức của người dân: Một số bộ phận người dân (20%) chủ quan với tình hình thiên tai: chưa chằng chống nhà cửa trước khi có thiên tai | \* **Cơ sở vật chất**  - Có 220 nhà kiên cố: Trong đó khoảng  - 100% hộ có nhà vệ sinh tự hoại  - 182 hộ sử dụng nước máy và 110 hộ sử dụng nước giếng khoan  - 210 bể chứa nước  - 50% nhà cao tầng  - có hệ thống nước thải sinh hoạt trong khu dân cư  - 90% hệ thống điện vào nhà dân đảm bảo  - 100% hộ gia đình sử dụng quạt điện.  -20% hộ có điều hòa.  **- \*Tổ chức xã hội:**  - Các tổ chức xã hội :hội phụ nữ, hội nông dân,... tuyên truyền vận động nhân dân chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai  - Có 3 tổ thợ xây tay nghề cứng  **\* Nhận thức, kinh nghiệm**  - 80% người dân nhận thức tốt về phòng chống thiên tai. Chằng chống nhà cửa, dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc men sơ cứu. | Nhà không kiên cố bị hư hỏng, xuống cấp, tốc mái.Các hộ vùng trũng thấp có nguy cơ bị ngập | *- Thấp* |
| Bão/lụt | Bách lợi | 247 | **\* Cơ sở vật chất:**  - 42 nhà và 2 nhà văn hóa bán kiên cố chưa đảm bảo cho việc tiếp nhận người dân sơ tán khi có thiên tai sảy ra.  - Hệ thống điện: 15% đường dây điện sau công tơ chưa đảm bảo khi có thiên tai xảy ra  - Mất điện lưới  - Mất nước do không có điện  - 9% nhà chưa có hệ thống chống nóng  **\* Tổ chức xã hội:**  Một số thợ của các tổ xây dựng tay nghề chưa đồng đều  **\*Nhân thức kinh nghiệm:**  Một số bộ phận người dân (25%) chủ quan với tình hình thiên tai: Không tham gia bảo vệ các hệ thống cơ sở hạ tầng, như chằng chống nhà cửa | **\* Cơ sở vật chất:**  - 205 nhà ở kiên cố  - 247 nhà vệ sinh tự hoại  - 100 % hộ có quạt máy  - 50% hộ có điều hòa  **\*Tổ chức xã hội:**  - Các tổ chức xã hội :hội phụ nữ, hội nông dân,... tuyên truyền vận động nhân dân chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai  **\* Nhận thức, kinh nghiệm**  - 75% người dân nhận thức tốt về phòng chống thiên tai. Chằng chống nhà cửa. | *- Tốc mái tôn hệ thống công trình phụ*  *Mất điện và mất nước* | *- Trung bình* |
| Bão/lụt | Trung Bắc | 245 | * **Cơ sở vật chất**    - 39 nhà bán kiên cố  **\* Tổ chức xã hội:**  - Một số thợ của 3 tổ xây dựng tay nghề chưa đồng đều  **- Nhận thức kinh nghiệm**  - 20% người dân chủ quan với tình hình thiên tai, Không tham gia bảo vệ các hệ thống cơ sở hạ tầng, như chằng chống nhà cửa | **\* Cơ sở vật chất:**  - 206 nhà kiên cố đảm bảo cho việc tiếp nhận người dân sơ tán khi có thiên tai xảy ra - 245 nhà vệ sinh tự hoại  **\*Tổ chức xã hội:**  - Các tổ chức xã hội :hội phụ nữ, hội nông dân,... tuyên truyền vận động nhân dân chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai  **\* Nhận thức, kinh nghiệm**  - 80% người dân nhận thức tốt về phòng chống thiên tai. Chằng chống nhà cửa, dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc men sơ cứu. | Nhà có nguy cơ bị đổ, tốc mái. | Thấp |
| Bão/lụt | Thắng Thịnh | 239 | **\* Cơ sở vật chất:**  - Có 28 nhà bán kiên cố. - Chưa có kỹ năng phòng chống nhà.  - Công trình phụ một số nhà xuống cấp, lợp mái tôn nóng.  **\* Tổ chức xã hội:**  - Một số thợ của 1 tổ xây dựng tay nghề chưa đồng đều  **\*Nhận thức kinh nghiệm**  - 15% người dân chủ quan với tình hình thiên tai, Không tham gia bảo vệ các hệ thống cơ sở hạ tầng, như chằng chống nhà cửa | **\* Cơ sở vật chất:**  - Nhà kiên cố 211 đảm bảo khi thiên tai xảy ra  - 245 nhà vệ sinh tự hoại  \***Tổ chức xã hội:**  - Các tổ chức xã hội :hội phụ nữ, hội nông dân,... tuyên truyền vận động nhân dân chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai  - Có 4 tổ thợ xây tay nghề đảm bảo  **\* Nhận thức, kinh nghiệm**  - 75% người dân nhận thức tốt về phòng chống thiên tai. Chằng chống nhà cửa, dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc men sơ cứu. | - Tốc mái do bảo lụt - Sập- nguy cơ mất nước sinh hoạt | Thấp |

1. **Nước sạch, vệ sinh và môi trường**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão/lụt | Long khang | 292 | **\*Vật chất:**  - 110 hộ chưa dùng nước máy  - 82 hộ trong thôn chưa có bể nước dự trữ  - 20% số hộ chưa có rãnh thoát nước.  - 80% hộ chăn nuôi chưa có hầmbiogas hợp vệ sinh  - Chưa có nơi tập kết xử lý vỏ bào bì thuốc trừ sâu  - Nguồn nước giếng khoang bị ảnh hưởng, ô nhiễm.  - Chưa có thùng rác nơi công cộng.  -Mất nước do không có điện, thiếu nước vệ sinh chuồng trại gây ô nhiẽm môi trường.  **\* Tổ chức xã hội:**  - Chưa có đội thu gom rác thải, vỏ bao bì, thuốc trừ sâu trên đồng ruộng  **\* Nhận thức, kinh nghiệm**  - 10% hộ gia đình ý thức bảo vệ môi trường chưa cao, còn vứt rác bừa bãi làm ảnh hưởng đến môi trường.  - Một số hộ chăn nuôi thải chất thải trực tiếp ra đồng ruộng gây ô nhiễm môi trường.  - Ngập lụt lâu ngày, xác súc vật chết, trôi gây ô nhiễm môi trường  \_một sô ít hộ còn chưa đóng phí thu gom rác thải | **\* Cơ Sở vật chất:**  - Giếng khoan: 110 cái đảm bảo  + Nước máy 182 hộ.   * 210 hộ trong thôn có bể nước dự trữ. * 30% hộ dân sử dụng máy lọc nước gia đình. - Số hộ sử dụng nhà vệ sinh tự hoại 292 hộ. - Có 80% hộ gia đình có rãnh thoát nước thải sinh hoạt. * 20% hộ chăn nuôi có hầm biogas đảm bảo hợp vệ sinh   **\* Tổ chức xã hội:** - Có công ty vệ sinh môi trường thu gom rác thải sinh hoạt 2 lần / tuần.  - Hội phụ nữ xã tổ chức cho chị em hội viên phụ nữ của thôn tổng dọn vệ sinh ngày chủ nhật tuần cuối của tháng, tổng vệ sinh toàn bộ khu dân cư và đường nội đồng  - Tuyên truyền vận động hộ dân tham gia thu gom rác thải sinh hoạt và đóng phí môi trường.  - các tổ chức đoàn thể thường xuyên tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh về vệ sinh môi trường, và vệ sinh an toàn thực phẩm  **\* Nhận thức kinh nghiệm:**  - 90% hộ gia đình có ý thức bảo vệ môi trường  - 100% hộ chăn nuôi khử trùng dọn dẹp vệ sinh sau bão | Nguồn nước ngầm bị ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân | - Thấp |
| Bão/  lụt | Bách Lợi | 247 | * **Cơ Sở vật chất:**   - 57 chưa dùng nước nước giếng khoan  - 52 chưa có bể dự trữ nước.  - Chưa có thùng rác nơi công cộng.  - 70% hộ chưa có bể chứa biogas  - Chưa có nơi tập kết các vỏ bao bì thực vật, thuốc sâu tại đồng ruộng còn bỏ bừa bãi  - Chi phí để chi trả cho việc vận chuyển rác không đảm bảo nên rác ứ đọng gây ô nhiễm môi trường.  -  Mất điện lưới  - Mất nước do không có điện, thiếu nước vệ sinh chuồng trại gây ô nhiễm môi trường  **\* Tổ chức xã hội**  - Chưa có đội thu gom rác thải, vỏ bao bì, thuốc trừ sâu trên đồng ruộng  \* **Nhận thức, kinh nghiệm**  - 20 % hộ gia đình ý thức bảo vệ môi trường chưa cao, còn vứt rác bừa bãi làm ảnh hưởng đến môi trường.  - Một số hộ chăn nuôi chưa có ý thức còn xử lý rác thải, chất thải chăn nuôi ra đồng ruộng gây ô nhiễm môi trường  - Nhân dân thường đốt rơm rạ, xác cây hoa màu gây ô nhiễm môi trường | **\* Cơ Sở vật chất:**  - - 190 hộ sử dung nước máy  - 247 hộ có nhà vệ sinh tự hoại - 195 hộ có bễ dự trữ nước  - 30% hộ có bể chứa biogas  - Có hệ thống thoát nước thải sinh hoạt  - Có nơi hung táng và cát táng  **\* Tổ Chức xã hội** - Có công ty vệ sinh môi trường thu gom rác thải sinh hoạt 2 lần / tuần.  - Tuyên truyền vận động hộ dân tham gia thu gom rác thải và đóng phí môi trường.  - Thường xuyên tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh về vệ sinh môi trường  - Hội phụ nữ xã tổ chức cho chị em hội viên phụ nữ của thôn tổng dọn vệ sinh Ngày chủ nhật tuần cuối của tháng, tổng vệ sinh toàn bộ khu dân cư và đường nội đồng  **\* Nhận thức – kinh nghiệm**  - 80% có ý thức bảo vệ môi trường  -100% hộ chăn nuôi khử trùng dọn dẹp vệ sinh sau bão lụt  - Thường xuyên tổ chức tổng dọn vệ sinh môi trường khu dân cư. | - Môi trường có nguy cơ bị ô nhiễm, đặc biệt ở những vùng trũng thấp. | Trung bình |
| Bão/lụt | Trung Bắc | 245 | **\* Cơ sở vật chất:**  -  Còn 38 hộ chưa dùng nước máy, mất điện hay bão lụt ảnh hưởng đến các hộ sử dụng nước giếng khoan  - Chưa có thùng rác nơi công cộng.  - Chưa có nơi tập kết các vỏ bao bì thực vật, thuốc sâu tại đồng ruộng còn bỏ bừa bãi  - 80% hộ chưa có bể Biogas  - Chi phí để chi trả cho việc vận chuyển rác không đảm bảo nên rác ứ đọng gây ô nhiễm môi  trường.  - Chưa có nơi tập kết các vỏ bao bì thực vật, thuốc sâu tại đồng ruộng còn bỏ bừa bãi  **\*Tổ chức xã hội**  - Chưa có đội thu gom rác thải, vỏ bao bì, thuốc trừ sâu trên đồng ruộng  - Mất điện, thiếu nước sinh hoạt, nước vệ sinh chuồng trại gây ô nhiễm môi trường.  **\* Nhận Thức – kinh nghiệm**  - Vẫn còn hiện tượng nước thải, rác thải đổ ra môi trường.  - Nhân dân thường đốt rơm rạ, xác cây hoa màu gây ô nhiễm môi trường.  - Một số hộ dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường về xử lý chất thải chăn nuôi ra đồng ruộng. | \* **Cơ sở vật chất**  - 38 hộ dùng giếng khoan.  - 207 hộ dùng nước máy.  - Có 245 hộ sử dụng nhà vệ sinh hợp vệ sinh  - 185 hộ có bể nước dự trữ.  - .Có hệ thống, cống rãnh thoát nước thải sinh hoạt.  - 80% số hộ chăn nuôi có chuồng trại sạch sẽ và có hố chứa nước thải, trong đó có 20% số hộ có bể Bioga.  **\* Tổ chức xã hội:**  - Có công ty vệ sinh môi trường thu gom rác thải sinh hoạt 2 lần / tuần.  - Hội phụ nữ xã tổ chức cho chị em hội viên phụ nữ của thôn tổng dọn vệ sinh ngày chủ nhật tuần cuối của tháng, tổng vệ sinh toàn bộ khu dân cư và đường nội đồng  - các tổ chức đoàn thể tuyên truyền vận động hộ dân tham gia thu gom rác thải và đóng phí môi trường. qua hệ thống truyền thanh  **\* Nhận thức- kinh nghiệm**  - Thường làm tốt công tác vệ sinh chuồng trại, khử trùng dọn dệp vệ sinh sau lụt bão  - Thường xuyên tổ chức tổng dọn vệ sinh môi trường khu dân cư.  - 100% hộ chăn nuôi khử trùng dọn dẹp vệ sinh sau bão lụt | - Môi trường có nguy cơ bị ô nhiễm, đặc biệt ở những vùng trũng thấp | Thấp |
| Bão/lụt | Thắng thịnh | 239 | **\* Cơ Sở vật chất:**  - 36 hộ còn dùng nước giếng khoan  - 69 hộ chưa có bể nước dự trữ.  - Ô nhiễm môi trường do 85% hộ chăn nuôi chưa sử lý chất thải  - Ảnh hưởng KCN nhà máy may Tiên sơn, g  Gấu bông thị trấn nga sơn thải chất đốt ra gây ô nhiễm môi trường.  - Chưa có nơi tập kết các vỏ bao bì thực vật, thuốc sâu tại đồng ruộng còn bỏ bừa bãi  - Chưa có thùng rác nơi công cộng.  - Chi phí để chi trả cho việc vận chuyển rác không đảm bảo nên rác ứ đọng gây ô nhiễm môi trường.  **\* Tổ chức xã hội:**  - Chưa có đội thu gom rác thải, vỏ bao bì, thuốc trừ sâu trên đồng ruộng  **\*Nhận thức kinh nghiệm**  - Nhân dân thường đốt rơm rạ, xác cây hoa màu gây ô nhiễm môi trường.  - Một số hộ dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường về xử lý chất thải chăn nuôi ra đồng ruộng | **\* Cơ Sở chất :**  - Có 203 hộ nước máy hợp vệ sinh. - Có 239 hộ có nhà vệ sinh tự hoại và bán tự hoại.  - Có hệ thống thoát nước thải sinh hoạt  - 170 hộ có bể dự trữ nước  - 15 % hộ gia đình chăn nuôi có bể bioga để chứa chất thải chăn nuôi.  **\* Tổ chức xã hội** - Có công ty vệ sinh môi trường thu gom rác thải sinh hoạt 2 lần / tuần.  - Hội phụ nữ xã tổ chức cho chị em hội viên phụ nữ của thôn tổng dọn vệ sinh Ngày chủ nhật tuần cuối của tháng, tổng vệ sinh toàn bộ khu dân cư và đường nội đồng  **\* Nhận thức kinh nghiệm** - Các tổ chức đoàn thểTuyên truyền và khuyến cáo cho nhân dân về bảo vệ vệ sinh môi trường trước và sau bảo lut.  - 100% hộ chăn nuôi khử trùng dọn dẹp vệ sinh sau bão lụt  - Thường xuyên tổng dọn vệ sinh khu dân cư | - Môi trường có nguy cơ bị ô nhiễm, đặc biệt ở những vùng trũng thấp,ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân | Thấp |

1. **Y tế và quản lý dịch bệnh**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão/  lụt | Long Khang | 292 | **\* Cơ sở Vật chất:**  - Thiếu thuốc dự phòng và xử lý nước sau thiên tai  -Sau thiên tai thường xảy ra dịch bệnh như: sốt xuất huyến, đường ruột, mắt đỏ, ngoài da, phụ khoa  -Nhân dân còn thiếu thuốc sơ cứu tại nhà.  \***Tổ chức xã hội**  - Cán bộ y tế thôn trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ  - y tế dự phòng phun thuốc khử trùng sau thiên tai chưa kịp thời. \* **Nhận thức kinh nghiệm**  - Người dân thiếu kiến thức về thực phẩm an toàn.  - Chưa mua thuốc theo đơn bác sĩ, còn tự ý đi mua ở ngoài.  - Chưa đi khám bệnh định kỳ, khi có biểu hiện mới đi khám.  -35% số phụ nữ không đi khám phụ khoa định kỳ. -Nhân dân không thực hiện khám sức khỏe định kỳ khoảng 95% nên không phát hiện bệnh sớm. - Một số hộ dân còn thiếu thuốc sơ cứu tại nhà. | **\* Cơ sở vật chất:**  - Có 2 y tá thôn trình độ Trung cấp. -Thôn có hai hiệu thuốc tây.  -Có 01 một thầy thuốc tây y điều trị tại nhà. -Có 85 % nhân dân có thẻ bảo hiểm y tế, trong đó có 42 % người dân mua BHYT tự nguyện.  - Đa số hộ gia đình có thuốc sơ cứu dự phòng  - 100% trẻ em dưới 6 tuổi và phụ nữ có thai được tiêm chủng định kỳ và đầy đủ.  - 100% PN có thai khám và sinh đẻ tại trạm y tế xã và huyện  **\*Tổ chức xã hội**  - Hội phụ nữ phối hợp với trạm y tế tiêm phòng vacin và cho trẻ uống vitamin A định kỳ.  - Hội phụ nữ tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường sau thiên tai  - Các đoàn thể Truyên truyền về chăm sóc sức khỏe, VSMT  - Có công ty vệ sinh môi trường thu gom rác thải sinh hoạt.  **\*Nhận thức kinh nghiệm**  - Một số người dân đi khám sức khỏe định kỳ  - Các mẹ đã có ý thức đưa trẻ đến trạm yte khám và tiêm vacin định kỳ  - Các thai phụ đến trạm khám thai định ký  -65% phụ nữ đi khám phụ khoa định kỳ | - Có nguy cơ gây bênh da liễu, đường ruột | - Thâp |
| Bão/lụt | Bách lợi | 247 | **\* Cơ sở vật chất:**  - Trạm y tế chưa có bác sĩ.  - Cán bộ y tế thôn hoạt động chưa hiệu quả.  - Sau thiên tai thường có bệnh mắt đỏ, ngoài da, phụ khoa, đường hô hấp.  - Thiếu thuốc dự phòng và xử lý nước trong thiên tai  - Thiếu nước sạch dùng trong sinh hoạt.  - 10% hộ dân thiếu thuốc sơ cứu tại nhà  - 20% PN chưa đi khám  90% nhân dân không thực hiện khám sức khỏe định kỳ, nên không phát hiện bệnh sớm  **\* Tổ chức xã hội**  - Trạm y tế xã thiếu bác sĩ và trang thiết bị khám chữa bệnh cho người dân  - Chưa quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường  - Phun thuốc khử trùng sau thiên tai chưa kịp thời.  **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Một số hộ dân chưa tham gia vào thu gom rác  - Người dân tự ý vứt bao bi thuốc bảo vệ thực vật xuống kênh, mương, đồng ruộng  - Ngập lụt lâu ngày, xác súc vật chết, trôi gây ô nhiễm môi trường.  - Người dân thiếu kiến thức về thực phẩm an toàn và chữa bệnh.  - Đa số phụ nữ ít đến trạm để khám phụ khoa và đẻ tại trạm vì cán bộ khám phụ khoa và hộ sinh là nam giới. (Bố trí nhân lực chưa hợp lý). | **\* Cơ sở vật chất:**  01 Trạm y tế được xây dựng năm 2009 có 10 phòng và 8 giường là nơi an toàn có thẻ tiếp nhận nhân dân sơ tán khi có thiên tai. Trạm có 5 nhân viên y tế.: trạm trưởng là y sỹ, 3 y sỹ điều trị và hộ lý và một dược táTrang thiết bị của trạm đảm bảo, có đủ dụng cụ và cơ số thuốc phục vụ phòng chống thiên tai: nẹp cố định 05 bộ, cáng 02 cái, hóa chất 3kg, thuốc 1 cơ số.  - 2 y tá thôn bản được đào tạo  - 2 cơ sở bán thuốc và điều trị tại nhà  - 2 hiệu thuốc tây  - 85% BHYT trong đó 39% BH tự nguyện.  - Có 90% số hộ gia đình có thuốc sơ cứu dự phòng  - 100% trẻ em dưới 6 tuổi và PN có thai được tiêm chủng định kỳ  - 100% PN có thai khám và sinh đẻ tại trạm y tế xã và huyện  **\* Tổ chức xã hội**  - Tổ chức đoàn thể tuyên truyền vận động phòng chống dịch bệnh trong mùa bão, lũ.  - Trạm y tế cấp phát thuốc xử lý nước uống, tổ chức phun thuốc tiêu độc khử trùng sau lụt bảo  - Có công ty môi trường thu gom rác thải sinh hoạt  **\* Nhận thức kinh nghiệm:**  - Đa số người dân biết cách chăm sóc sức khỏe bản thân và gia đình  - Trẻ em dưới 6 tuổi và PN có thai được tiêm chủng định kỳ  - 80% PN khám phụ khoa định kỳ  - Tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường sau thiên tai.  - Vệ sinh chuồng trại chăn nuôi.  - Thường xuyên kiểm tra và phát hiện dịch bệnh kịp thời, hướng dẫn người dân thực hiện tốt vệ sinh. | - Có nguy cơ gây bênh da liễu, đường ruột | Trung bình |
| Bão/lụt | Trung Bắc | 245 | **\* Cơ sở vật chất:**  - Cán bộ y bộ tế thôn, trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ  - Sau thiên tai thường có bệnh mắt đỏ, ngoài da.  - 20% chưa có bảo hiểm y tế.  - Thiếu thuốc dự phòng và xử lý nước trong thiên tai  - Thiếu nước sạch dùng trong sinh hoạt  **\* Tổ chức xã hội**  - Có đội ngũ thu gom rác nhưng còn mỏng  - Trạm y tế xã thiếu bác sĩ và trang thiết bị khám chữa bệnh cho người dân  - Chưa quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường  - Y tế dự phòng phun thuốc khử trùng sau thiên tai chưa kịp thời.  **\* Nhân thức, kinh nghiệm**  - Một số hộ dân chưa tham gia vào thu gom rác  - Người dân tự ý vứt bao bi thuốc bảo vệ thực vật xuống long kênh mương, ruộng đồng.  - Ngập lụt lâu ngày, xác súc vật chết, trôi gây ô nhiễm môi trường  - Người dân thiếu kiến thức về thực phẩm an toàn và chữa bệnh  - Đa số phụ nữ ít đến trạm để khám phụ khoa và đẻ tại trạm vì cán bộ khám phụ khoa và hộ sinh là nam giới. (Bố trí nhân lực chưa hợp lý).  - Hơn 80% nhân dân không thực hiện khám sức khỏe định kỳ nên không phát hiện bệnh sớm. | **\* Cơ sở vật chất:**  - Có 01 thầy lang  - 01 quầy thuốc tây  - Có 02 y tá thôn;  - 60% hộ gia đình có thuốc dự trữ trong nhà.  - Có trên 100% số người dân có bảo hiểm y tế; -  - Có 100% số hộ gia đình có tủ thuốc dự phòng  - Có 100% số hộ gia đình có tủ thuốc dự phòng.  - Có 80 % nhân dân có thẻ bảo hiểm y tế, trong đó có 42 % người dân mua BHYT tự nguyện.  - Có công ty môi trường thu dọn vệ sinh.  - 100% trẻ em dưới 6 tuổi và phụ nữ có thai được tiêm chủng định kỳ đầy đủ  **\* Tổ chức xã hội**  - Trạm y tế thường xuyên tổ chức tiêm phòng vắc xin định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi và phụ nữ có thai  - Tuyên truyền vận động nhân dân phòng chống dịch theo mùa vụ.  \***Nhận thức – kinh nghiệm**  - Làm tốt công tác tuyên truyền, khuyến cáo cho nhân dân trong việc sử dụng các biện pháp tiêu độc, khử trùng; vệ sinh an toàn thực phẩm trong mùa mưa bão.  - Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh của xã về vệ sinh an toàn thực phẩm.  - Vệ sinh chuồng trại chăn nuôi.  - Thường xuyên tổ chức tổng dọn vệ sinh môi trường.  - Thường xuyên kiểm tra và phát hiện dịch kịp thời, hướng dẫn người dân thực hiện tốt vệ sinh.  - Sau lụt bão các tổ chức xã hội vận động nhân dân dọn vệ sinh môi trường. | Nguy cơ gây ra các bệnh như: dịch tả, các bệnh viêm da, hô hấp, tiêu chảy ... | Thấp |
| Bão/lụt | Thắng thịnh | 239 | **\* Cơ sở vật chất:**  - Cán bộ bộ tế y thôn, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.  - bệnh mắt đỏ, ngoài da, phụ khoa, bệnh hô hấp  - Thiếu thuốc dự phòng và xử lý nước trong thiên tai  - 20 chưa có BHYT  **\* Tổ chức xã hội**  - Có đội ngũ thu gom rác nhưng còn ít  - Có y tế thôn nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của người dân.  - Hơn 80% nhân dân không thực hiện khám sức khỏe định kỳ nên không phát hiện bệnh sớm.  - 20% chị em phụ chưa đi khám phụ khoa định kỳ.  **\* Nhận thức, kinh nghiệm**  - Một số hộ dân chưa tham gia vào thu gom rác  - Người dân tự ý vứt bao bi thuốc bảo vệ thực vật xuống kênh, mương , ruộng đồng.  - Ngập lụt lâu ngày, xác súc vật chết, trôi gây ô nhiễm môi trường  - Người dân thiếu kiến thức về thực phẩm an toàn và chữa bệnh.  - Đa số phụ nữ ít đến trạm để khám phụ khoa và đẻ tại trạm vì cán bộ khám phụ khoa và hộ sinh là nam giới. (Bố trí nhân lực chưa hợp lý). | **\* Cơ sở vật chất:**  - Có 2 cán bộ y tế thôn  - Có 2 nhà ban thuốc tây.  - 80 % có thẻ BHYT: 35% mua bảo hiểm tự nguyện, có 65% được cấp bảo hiểm.  - Có 100% số hộ gia đình có thuốc sơ cứu dự phòng - Có công ty môi trường thu dọn vệ sinh.  - 100% trẻ em dưới 6 tuổi và phụ nữ có thai được tiêm chủng định kỳ đầy đủ  - Có hệ thống nước thải trong sinh hoạt  - 80% PN khám phụ khoa định kỳ  **\* Tổ chức xã hội**  - Hội PN tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường sau thiên tai.  - Các tổ chức đoàn thể tuyên truyền nhân dân thường xuyên khám sức khỏe định kỳ  - Các tổ chức đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền, khuyến cáo cho nhân dân trong việc sử dụng các biện pháp tiêu độc, khử trùng; vệ sinh an toàn thực phẩm trong mùa mưa bão  **\* Nhận Thức – kinh nghiệm:**  - Vệ sinh chuồng trại chăn nuôi sau lụt bão.  - Thường xuyên tổ chức tổng dọn vệ sinh môi trường.  - Thường xuyên kiểm tra và phát hiện dịch bệnh kịp thời, hướng dẫn người dân thực hiện tốt vệ sinh.  - Người dân còn coi nhẹ về việc khám sức khỏe định kỳ | Nguy cơ bị các bệnh như đau mắt đỏ, tiêu chảy, da liễu | Thấp |

1. **Giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão/  lụt | Long Khang | 292 | \***Vật Chất**  -Sân Trường mầm non có nguy cơ bị ngập khi bão, lụt.  -Đường xuống cấp khi bão lụt ngập sâu cổng trường đi vào trường mầm non , học sinh phải nghỉ học một đến hai ngày  -Thiếu trang thiết bị như áo phao, dụng cụ sơ cứu ban đầu  **\*Tổ chức xã hội**  - Cả 3 trường Chưa thực hiện lồng ghép chính thức PCTT vào các tiết học.  - Chưa có cảnh báo về mức độ rủi ro thiên tai  **Nhận thức kinh nghiệm**.  - Đa số phụ huynh 3 trường chưa có ý thức cho trẻ học bơi | **Vật chất**  - 2 trường tiểu học và THCS kiên cố 2 tầng là nơi trú ẩn an toàn cho người dân khi xảy thiên tai  - Cơ sở chất của 3 trường : Trường mầm non, tiểu học, Trung học cơ sở được kiên cố. Hiện có 39 phòng học - Hàng năm các trường đều xây dựng kế hoạch phòng chống bão lụt. - 100% học sinh đến trường đi học, đường đến trường an toàn. Các cháu tiểu học và mầm non được bố mẹ đưa đi họcbằng xe đạp - xe máy.  -100% người dân trong độ tuổi lao động được phổ cập THCS.  **Tổ chức xã hội** -Hoạt động nhà văn hóa thôn hoạt động đều đặn có hiệu quả. -Các trường, các thôn đều có hội khuyến học. Có dòng họ Đào có quỹ hội khuyến học.  -Trường thông báo kịp thời cho học sinh nghỉ học khi có thiên tai  -Trường đã xây dựng kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai hàng năm  -Tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể, có lồng ghép về PCTT  **Nhận thức kinh nghiệm.**  -Người dân thường xuyên sống trong vùng bão,lụt nên một số em được bố mẹ quan tâm hướng dẫn kiến thức về PCTT | - Học sinh mầm non có nguy cơ nghỉ học do sân trường bị ngập | - Thấp |
| Bão/lụt | Bách Lợi | 247 | **Vật chất**  - Học sinh nghỉ học do sân trường mầm non ngập nước từ 1 đến 2 ngày.  - Tỷ lệ trẻ em chưa biết bơi cao  Tổ chức xã hội  -Chưa chú trọng đến các hoạt động bơi , lội cho trẻ em.  - Chưa có nguồn kinh phí hỗ trợ cho tập huấn PCTT  **Nhận thức kinh nghiệm**  -Học sinh 3 trường chưa thực hiện lồng ghép chính thức phòng chống thiên tai vào các tiết học  - Một số gia đình chưa quan tâm cho con nhỏ học bơi  Chưa thường có các lớp tập huấn về PCTT cho các giáo viên trong trường | **Vật chất**  - Có 3 trường, mầm non, tiểu học, THCS đều có kế hoạch phòng chống thiên tai, có tiểu ban phòng chống thiên tai của trường - Các trường đều có khuôn viên rộng rãi, đủ điều kiện cho hoạt động của học sinh.  **Tổ chức xã hội** - 100% trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường đảm bảo, không có học sinh bỏ học trong năm. - Thôn có nhà văn hóa thôn là nơi sinh hoạt cộng đồng, có hội khuyến học, ở thôn và các dòng họ. - 100% dân trong độ tuổi lao động được phổ cập trung học cơ sở  **Nhận thức kinh nghiệm**  - Gia đình có quan tâm đưa, đón trẻ em trong khi xảy ra thiên tai | - Học sinh bị gián đoạn học tập | Thấp |
| Bão/lụt | Trung Bắc | 245 | **Vật chất**  - Một số hộ gia đình chưa thực sự quan tâm tới việc học hành của con em  - Cơ sở vật chất của 3 trường, khuôn viên của nhà trường đã được đầu tư xây dựng khang trang song vẫn còn thiếu một số phòng chức năng.  - Dụng cụ phục vụ cho công tác dạy và học chưa đáp ứng nhu cầu, đặc biệt là dụng cụ thí nghiệm.  **Tổ chức xã hội**  -Thiếu các phương tiện PCTT như áo phao.  - Chưa đầu tư kinh phí để xây dựng hồ bơi cho trẻ em  Nhận thức kinh nghiệm  -Người dân còn trông chờ, ỷ lại vào đội xung kích của thôn hỗ trợ khi xảy ra thiên tai  - Chưa trang bị kiến thức đầy đủ cho trẻ nhỏ khi có thiên tai xảy ra. | **Vật chất**  - Trường TH & THCS có 36 phòng học đảm bảo, trường Mầm non có 13 phòng đảm bảo an toàn, có cơ sở phục vụ ăn ở bán trú.  - Khuôn viên các nhà trường đảm bảo theo yêu cầu của Bộ giáo dục, cả 02 trường đã dạt chuẩn Quốc gia mức độ I.  **Tổ Chức xã hội**  - Chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn đã được nâng lên, không có học sinh bỏ học.  - Các trường đều thành lập tiểu ban phòng chống thiên tai.  - Công tác giáo dục cộng đồng được thực hiện tốt, có nhà văn hóa thôn để sinh hoạt cộng đồng, có Hội khuyến học từ thôn, xã, dòng họ xây dựng được nguồn quỹ và hoạt động có hiệu quả.  - 100% người dân đạt phổ cập giáo dục THCS.  - 100% trẻ em trong độ tuổi được ra lớp và đến trường.  **Nhận thức kinh nghiệm**  - Gia đình có hướng dẫn con nhỏ biết cách tự bảo vệ bản thân khi thiên tai xảy ra | -  Ảnh hưởng đến cơ sở vật chất của các nhà trường.  - Học sinh phải nghỉ học. | Thấp |
| Bão/lụt | Thắng Thinh | 239 | **Vật chất**  - Sân trường Mầm non, tiểu học trũng thấp, mưa bão to làm ngập sân, học sinh phải nghỉ 1 - 2 ngày.  **Tổ chức xã hội**   * Hội cha mẹ học sinh chưa chưa được trang bị kiến thức về phòng chống thiên tai   **Nhận thức kinh nghiệm**   * Một số gia đình mải làm ăn nên để trẻ tự đến trường khi có thiên tai. | **Vật chất**  - 3 trường với 39 phòng học học kiên cố là nơi trú ẩn an toàn cho người dân sơ tán.  - Đường đến trường kiên cố, an toàn.  - Phụ huynh đưa trẻ đến trường bằng phương tiện đi lại xe đạp, xe máy.  - Có 80% học tại các trường đại học, cao đẳng và trung cấp nghề  **Tổ chức xã hội**  - Có 100% trẻ em trong độ tuổi đến trường.  -Công tác giáo dục cộng đồng được thực hiện tốt, có nhà văn hóa thôn để sinh hoạt cộng đồng, có Hội khuyến học từ thôn, xã, dòng họ xây dựng được nguồn quỹ và hoạt động có hiệu quả.  Công tác giáo dục cộng đồng được thực hiện tốt, có nhà văn hóa thôn để sinh hoạt cộng đồng, có Hội khuyến học từ thôn, xã, dòng họ xây dựng được nguồn quỹ và hoạt động có hiệu quả.  **Nhận thức kinh nghiệm**  - Công tác giáo dục cộng đồng được thực hiện tốt.  -Gia đình có quan tâm đưa trẻ em đến trường trong khi xảy ra thiên tai. | -  Ảnh hưởng đến cơ sở vật chất của các nhà trường.  - Học sinh phải nghỉ học. | Thấp |

1. **Rừng**

Không có

1. **Trồng trọt**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  **(Cao, Trung Bình, Thấp)** |
| Bão/lụt | Long Khang | 292 | **\*Vật chất:**  - 1km kênh mương không đáp ứng được tiêu úng kịp thời.  -0,3 km mương Mã Cố, chân mạ, Đồng Hà chưa kiên cố có nguy cơ sạt lở. -Ngập úng diện tích lúa 1,5 ha ở Roc Họ, Rọc Phương và Nam nến 2 ha.  -Địa phương chưa chủ động về nguồn giống. **\* Tổ chức xã hội:** - Hợp Tác xã có lúc cung ứng giống và chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh có lúc chưa kịp thời.  **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**  -20% hộ dân chưa sử dụng giống theo quy định của HTX.  - Thuốc bảo vệ thực vật, nhân dân còn mua hàng trôi nổi không có nguồn gốc.  - Nhân dân khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa đúng nơi quy định, còn vất bừa bãi bao bì ở ngoài đồng. | **\*Vật chất:**  - Kênh mương 3,3 km kênh mương kiên cố. Luôn tiêu ứng kịp thời  - Cống thủy lợi có 20 cái kiên cố.  - Đường thôn có 3,01 được kiên cố bằng bê tông.  - Đường nội đồng được kiên cố 4,4km.  Tổng diện tích trồng lúa 34,6 ha, hoa màu 2,02 ha, cây hàng năm 0,6 ha, cây ăn quả 0,9 ha.  **\* Tổ chức xã hội:** - Hàng năm có phương án sản xuất theo lịch thời vụ. Đã đưa cây trồng có giá trị kinh tế cao vào sản xuất như cây thuốc lào, cây dưa hấu, cây khoai tây... Thay thế cho cây lúa truyền thống.  - HTX cung ứng giống, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và chuyển gao khoa học kỹ thuật đến người dân (trả chậm). - UBND xã chỉ đạo Hợp tác xã, khuyến nông viên, Hội nông dân xã tập huấn kỹ thuật canh tác cây trồng, theo dõi diễn biến sâu để tuyên truyền cho nhân dân kịp thời xử lý sâu bệnh. **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**  -100% thực hiện đúng lịch gieo trồng hàng năm. - 80% hộ dân sử dụng giống đúng theo cơ cấu giống của xã.  - Người tư vấn hướng dẫn chăm bón cây trồng đúng quy trình và đúng lịch thời vụ. | Lúa và hoa màu có thể bị chết, thiệt hại hoặc giảm năng suất | Trung bình |
| hạn hán |  |  | \***Vật chất:**  - Bị hạn ở khu vực Tây đê, vườn hói, đội men: 1,5 ha  -Hai cống cấp nước nhỏ hẹp hạn chế dòng chảy.  -10% cỏ dại mọc bao gồm cả bèo ở lòng kênh hạn chế dòng chảy. - Nhiễm mặn, thiếu nước ảnh hưởng đến diện tích cây trồng. -Mất điện lưới ảnh hưởng đến điều tiết nước.  **\* Tổ chức xã hội:** - HTX có lúc điều tiết nước chưa kịp thời.  - HTX khi đưa vào đồng ruộng chưa đo nồng độ Ph  **\* Nhận thức, kinh nghiệm:** - Chưa có kinh nghiệm trong phòng chống hạn hán. | \***Vật chất:**  '- Có hệ thống mương tưới phục vụ cho diện tích hạn - Thâu chua rửa mặn  **\* Tổ chức xã hội:**  - Hàng năm có phương án sản xuất theo lịch thời vụ. Đã đưa cây trồng phù hợp thời tiết khô hạn.  - HTX cung ứng giống, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và chuyển gao khoa học kỹ thuật đến người dân (trả chậm). - UBND xã chỉ đạo Hợp tác xã điều tiết nước đúng thời điểm.  - Tổ chức tập huấn khoa học kỹ thuật cho nhân dân khi đưa giống mới vào sản xuất.  \* **Nhận thức, kinh nghiệm:**  -100% thực hiện đúng lịch gieo trồng hàng năm. - 80% hộ dân sử dụng giống đúng theo cơ cấu giống của xã.  - Người tư vấn hướng dẫn chăm bón cây trồng đúng quy trình và đúng lịch thời vụ. | Nguy cơ giảm năng suất lúa và hoa màu | Thấp |
| Bão/lụt | Bách Lợi | 247 | \***Vật chất:**  - 0,8km kênh mương bán kiên cố, có nguy cơ sạt lở.  - 4.3ha khu vực đầm Hội thi, xóm 8 dễ ngập lụt.  **\* Tổ chức xã hội:** - Địa phương chưa chủ động về nguồn giống.  - Chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh có lúc chưa kịp thời.  **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**  - 30% hộ dân sử dụng giống không theo quy định của xã  - Kỹ năng xử- lý về sâu bệnh cho cây trồng đôi lúc chưa kịp thời. - Thuốc xử lý sâu bệnh đôi khi dùng chưa đúng với quy định khuyến cáo của địa phương. | **\*Vật chất:**  - Có một HTX trong thông thuận lợi cho nhân dân giao dịch, cung ứng vật tư.  - Kênh mương 2,9 km kênh mương kiên cố. Luôn tiêu ứng kịp thời  - Cống thủy lợi có 15 cái kiên cố.  - Đường thôn có 4,9 km được kiên cố bằng bê tông.  - Đường nội đồng được kiên cố 3,8km.  19,5ha trồng lúa,  - 8,5ha trồng màu, 1,5ha cây hàng năm, 1,5ha cây ăn quả \* **Tổ chức xã hội:** - Hàng năm có phương án sản xuất theo lịch thời vụ. Đã đưa cây trồng có giá trị kinh tế cao vào sản xuất như cây thuốc lào, cây dưa hấu, cây khoai tây... Thay thế cho cây lúa truyền thống.  - HTX cung ứng giống, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và chuyển gao khoa học kỹ thuật đến người dân (trả chậm). - UBND xã chỉ đạo Hợp tác xã, khuyến nông viên, Hội nông dân xã tập huấn kỹ thuật canh tác cây trồng, theo dõi diễn biến sâu để tuyên truyền cho nhân dân kịp thời xử lý sâu bệnh.  - Hội nông dân phối hợp với khuyến nông. HTX tổ chức tập huấn kỹ thuật thâm canh cây trồng.  - Hợp tác xã cung ứng vật tư trả chậm: giống, thuốc BVTV, phân bón, và chuyển giao KT đến hộ dân.  - HTX chủ động điều tiết nước cho cây trồng. **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**  -100% thực hiện đúng lịch gieo trồng hàng năm. - 80% hộ dân sử dụng giống đúng theo cơ cấu giống của xã.  - Người tư vấn hướng dẫn chăm bón cây trồng đúng quy trình và đúng lịch thời vụ. - Đã chuyển đổi một số diện tích cây trồng kém năng xuất sang cây trồng có hiệu quả kinh tế cao như cây Lạc sang cây dưa hấu, khoai tây, ớt, cây thuốc lào.  - Người dân chăm sóc tốt cây trồng theo đúng hướng dẫn của hợp xã | Lúa và hoa màu có thể bị chết, thiệt hại hoặc giảm năng suất | Trung bình |
| hạn hán |  |  | **\*Vật chất:**  - 1ha đồng màu nguy cơ thiểu nước  - Mất điện lưới, ảnh hưởng đến điều tiết nước  - Nhiễm mặn, thiếu nước ảnh hưởng đến diện tích cây trồng. -Mất điện lưới ảnh hưởng đến điều tiết nước.  **\* Tổ chức xã hội:** - HTX có lúc điều tiết nước chưa kịp thời.  - HTX khi đưa vào đồng ruộng chưa đo nồng độ Ph  **\* Nhận thức, kinh nghiệm:** - Chưa có kinh nghiệm trong phòng chống hạn hán.  - Nắng nóng kéo dài, ruộng nứt nẻ, thiếu nước | \***Vật chất:**  - Một Trạm bơm nước sông Hưng Long, bơm nước cho cây trồng kịp thời.  '- Có hệ thống mương tưới phục vụ cho diện tích hạn - Thâu chua rửa mặn  **\* Tổ chức xã hội:**  - Hàng năm có phương án sản xuất theo lịch thời vụ. Đã đưa cây trồng phù hợp thời tiết khô hạn.  - HTX cung ứng giống, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và chuyển gao khoa học kỹ thuật đến người dân (trả chậm). - Hợp tác xã dịch vụ điều tiết nước kịp thời cho cây trồng.  - Tổ chức tập huấn khoa học kỹ thuật cho nhân dân khi đưa giống mới vào sản xuất.  **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**  -100% thực hiện đúng lịch gieo trồng hàng năm. - 90% hộ dân sử dụng giống đúng theo cơ cấu giống của xã. | Nguy cơ giảm năng suất lúa và hoa màu | Thấp |
| Bão/lụt | Trung Bắc | 245 | **\*Vật chất:**  - 0,8km kênh mương bán kiên cố, có nguy cơ sạt lở.  - 0,7 km đường nội đồng chưa được kiên cố.  - Còn 0,7 km mương tiêu khu vực Đồng Ngọc - Đồng Bầu chưa được kiên cố, cỏ dại và bèo làm cản trở dòng chảy dẫn đến việc tiêu thoát nước chậm.  - Hệ thống mương tiêu, Cống yếu 5, cống tạm 5 thoát nước chậm;  **\* Tổ chức xã hội:** - Địa phương chưa chủ động về nguồn giống.  - Chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh có lúc chưa kịp thời.  - Chưa chủ động được nguồn giống.  - Công tác làm đất chưa đạt yêu cầu đề ra.  - Xử lý bệnh dịch có lúc, có nơi chưa kịp thời.  **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**  - 20% hộ dân sử dụng giống không theo quy định của xã  - Kỹ năng xử- lý về sâu bệnh cho cây trồng đôi lúc chưa kịp thời. - Thuốc xử lý sâu bệnh đôi khi dùng chưa đúng với quy định khuyến cáo của địa phương. -Trồng nhiều loại giống trên thửa. | **\*Vật chất:**  - Kênh mương 3,3 km kênh mương kiên cố. Luôn tiêu ứng kịp thời  - Cống thủy lợi có 16 cái kiên cố.  - Đường thôn có 4km được kiên cố bằng bê tông.  - Đường nội đồng được kiên cố 2.7km.  - Lúa 20 ha, hoa màu 10 ha, cây lâu năm 1,13 ha.  **\* Tổ chức xã hội:** Đưa các giống mới có tiềm năng, năng xuất và chất lượng cao vào sản xuất, chú trọng cây trồng mới có giá trị cao trên đơn vị diện tích; áp dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất và thâm canh.  - Hợp tác xã cung ứng vật tư, giống, thuốc bảo vệ thực vật trả chậm, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho các hộ.  - Hội Nông dân, HTX phối hợp với khuyến nông thường xuyên tổ chức tập huấn, khuyến cáo kỹ thuật thâm canh cho nhân dân.  - Làm tốt công tác dự thính, dự báo, chọn bộ giống tốt đưa vào sản xuất, thâm canh.  - HTX đã chủ động điều tiết nước tưới cho cây trồng phát triển.  **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**  -100% thực hiện đúng lịch gieo trồng hàng năm. - 80% hộ dân sử dụng giống đúng theo cơ cấu giống của xã.  - Người tư vấn hướng dẫn chăm bón cây trồng đúng quy trình và đúng lịch thời vụ. | Lúa và hoa màu có thể bị chết, thiệt hại hoặc giảm năng suất | Trung bình |
| hạn hán |  |  | **\*Vật chất:**   - Có 1ha ruộng cao thuộc vùng đông mương họ Trịnh dễ bị hạn hán.  - Hệ thống mương tưới, Cống yếu 5, cống tạm 5 chưa đảm bảo đưa nước phục vụ sản xuất.  **\* Tổ chức xã hội:** - HTX có lúc điều tiết nước chưa kịp thời.  - HTX khi đưa vào đồng ruộng chưa đo nồng độ PH  **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**  - 20% Hộ dân sử dụng giống không theo cơ cấu giống của xã. - Chưa có kinh nghiệm trong phòng chống hạn hán.  - Nắng nóng kéo dài, ruộng nứt nẻ, thiếu nước | **\*Vật chất:**  '- Có hệ thống mương tưới phục vụ cho diện tích hạn kịp thời. - Thâu chua rửa mặn  **\* Tổ chức xã hội:**  - Hàng năm có phương án sản xuất theo lịch thời vụ. Đã đưa cây trồng phù hợp thời tiết khô hạn.  - HTX cung ứng giống, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và chuyển gao khoa học kỹ thuật đến người dân (trả chậm). - Hợp tác xã dịch vụ điều tiết nước kịp thời cho cây trồng.  - Tổ chức tập huấn khoa học kỹ thuật cho nhân dân khi đưa giống mới vào sản xuất.  **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**  -100% thực hiện đúng lịch gieo trồng hàng năm. - 80% hộ dân sử dụng giống đúng theo cơ cấu giống của xã.  - Chủ động áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. | Nguy cơ giảm năng suất lúa và hoa màu | Thấp |
| Bão/lụt | Thắng thịnh | 239 | **\*Vật chất:**  - 0,2 km kênh mương bán kiên cố, có nguy cơ sạt lở.  - Đường nội đồng chưa được kiên cố 1,5 km.  - Hệ thống mương tiêu, Cống yếu 5, cống tạm 5 thoát nước chậm;  **\* Tổ chức xã hội:** - Địa phương chưa chủ động về nguồn giống.  - Chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh có lúc chưa kịp thời.  - Chưa chủ động được nguồn giống.  - Công tác làm đất chưa đạt yêu cầu đề ra.  - Xử lý bệnh dịch có lúc, có nơi chưa kịp thời.  - Sâu bệnh phát triển rộng và lây lan  - Ngập úng toàn bộ diện tich vùng trũng. Giảm năng xuất cho cây trồng  **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**  -5% thực hiện chưa đúng lịch gieo trồng hàng năm.  - 10% hộ dân sử dụng giống không theo quy định của xã  - Thuốc xử lý sâu bệnh đôi khi dùng chưa đúng với quy định khuyến cáo của địa phương. -Trồng nhiều loại giống trên thửa. | **\*Vật chất:**  - Kênh mương 25 km kênh mương kiên cố. Luôn tiêu ứng kịp thời  - Cống thủy lợi có 12 cái kiên cố.  - Đường thôn có 4 km được kiên cố bằng bê tông.  - Đường nội đồng được kiên cố 1,8km.  - Trồng lúa : 14,9 ha, hoa mầu : 3,4 ha , cây lâu năm : 1,1 ha, cây ăn quả : 1,0 ha.  **\* Tổ chức xã hội:** - Toàn bộ diện tích được khuyến cáo chăm sóc theo thời vụ, phòng trừ sâu bệnh kịp thời. - Tuyên truyền khuyến cáo dự báo thời tiết, thiên tai.  - Có phương án tiêu úng, khơi thông dòng chảy cho cây trồng. - Hợp tác xã cung ứng vật tư, giống, thuốc bảo vệ thực vật trả chậm, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho các hộ.  - Hội Nông dân, HTX phối hợp với khuyến nông thường xuyên tổ chức tập huấn, khuyến cáo kỹ thuật thâm canh cho nhân dân.  - Làm tốt công tác dự thính, dự báo, chọn bộ giống tốt đưa vào sản xuất, thâm canh.  - HTX đã chủ động điều tiết nước tưới cho cây trồng phát triển.  **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**  -95% thực hiện đúng lịch gieo trồng hàng năm. - 90% hộ dân sử dụng giống đúng theo cơ cấu giống của xã.  - Người tư vấn hướng dẫn chăm bón cây trồng đúng quy trình và đúng lịch thời vụ. | Lúa và hoa màu có thể bị chết, thiệt hại hoặc giảm năng suất | Trung bình |
| Hạn hán | **\*Vật chất:**  - Chưa có hệ thống đường điện ra ngoài đồng phục vụ cho nhân dân sản xuất.  - Một số cầu cống còn nhỏ chưa đáp ứng được tưới cho cây trồng.  \* Tổ chức xã hội: - HTX có lúc điều tiết nước chưa kịp thời.  - HTX khi đưa vào đồng ruộng chưa đo nồng độ Ph  **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**  - 10% Hộ dân sử dụng giống không theo cơ cấu giống của xã. - Chưa có kinh nghiệm trong phòng chống hạn hán.  - Nắng nóng kéo dài, ruộng nứt nẻ, thiếu nước | **\*Vật chất:**  - Có 1 trạm bơm kiên cố phục vụ tưới cho cây trồng khi hạn hán.  '- Có hệ thống mương tưới phục vụ cho diện tích hạn kịp thời đạt 90%. - Thâu chua rửa mặn.  - Đường giao thông nội đồng được bê tông hóa phục vụ nhân dân sản xuất kịp thời vụ.  - Tổ chức đồng loạt làm đất cho nhân dân kịp thời cấy lúa.  - Có 2 máy giặt phục vụ nhân dân thu hoạch lúa kịp thời.  **\* Tổ chức xã hội:**  - Hàng năm có phương án sản xuất theo lịch thời vụ. Đã đưa cây trồng phù hợp thời tiết khô hạn.  - HTX cung ứng giống, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và chuyển gao khoa học kỹ thuật đến người dân (trả chậm). - Hợp tác xã dịch vụ điều tiết nước kịp thời cho cây trồng.  - Tổ chức tập huấn khoa học kỹ thuật cho nhân dân khi đưa giống mới vào sản xuất.  **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**  -100% thực hiện đúng lịch gieo trồng hàng năm. - 90% hộ dân sử dụng giống đúng theo cơ cấu giống của xã.  - Chủ động áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Có hệ thống loa của xóm được tuyên truyên kỹ thuật chăm bón, lịch thời vụ kịp thời. | Nguy cơ giảm năng suất lúa và hoa màu | Thấp |

1. **Chăn nuôi**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai**  **/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| Bão/lụt | Long Khang | 292 | **\* Vật chất:**  - 20 % chuồng trại tạm bợ, chưa đảm bảo. -20 % hộ dân mua giống trôi nổi, không rõ nguồn gốc.  - Chưa có hệ thống tiêu thoát nước thải. -' Chưa dự trữ thức ăn chăn nuôi. Giá thức ăn gia súc cao.  - Còn 20 % số hộ chưa tiêm phòng thường xuyên cho vật nuôi  - Chưa có hệ thống tiêu thoát nước thải  - Thiếu điều kiện làm mát cho vật nuôi trong những ngày nắng nóng  **\* Tổ chức xã hội:**  - Thị trường tiêu thụ bấp bênh không ổn định, bị thương lái ép giá. **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**  -Còn một số hộ chưa vệ sinh chuồng trại thường xuyên -Kỹ năng chăm sóc gia súc, gia câm còn hạn chế. -15 % hộ dân chưa tham gia tiêm phòng cho gia súc gia cầm. | **\* Vật chất:**  - Gia súc có 120 hộ nuôi có 330 con, gia cầm có 147 hộ nuôi 1200 con - Thường xuyên vệ sinh chuồng trại. - Có 5 hộ đã có hệ thống biôga sử dụng chất thải trong chăn nuôi - 80% hộ thực hiện tiêm chủng cho gia súc, gia cầm theo quy định.  \* **Tổ chức xã hội:** - Hàng năm thường xuyên được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và được sự hỗ trợ của cán bộ thú y xã. -Thương lái đến tại gia đình thu mua. -Thức ăn chăn nuôi được cung cấp đến tận nhà. -Ngân hàng nông nghiệp và chính sách tạo cơ chế hỗ trợ nguồn vốn cho chăn nuôi và sản xuất. -UBND xã tổ chức tiêm phòng cho gia súc gia cầm định kỳ một năm 2 lần.  **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**  -Khi có dịch bệnh đã kịp thời báo cáo và xây dựng phương án phòng chống dịch kịp thời.  - 85% hộ dân chủ động mua thuốc phòng chống khi có dịch bệnh xảy ra.  - Chủ động tiêu độc khử trùng chuồng trại chăn nuôi. | Vật nuôi bị chết hoặc dịch bệnh gây chậm phát triển | Trung bình |
| Bão/lụt | Bách Lợi | 247 | **\* Vật chất:**  - 30 % chuồng trại. tạm bợ, chưa đảm bảo. -Nhiều hộ dân mua giống trôi nổi, không rõ nguồn gốc.  - Chưa có hệ thống xử lý chất thải. -' Chưa dự trữ thức ăn chăn nuôi.  - Giá thức ăn gia súc cao và bị động vào thương lái.  - Còn 20 % số hộ chưa tiêm phòng thường xuyên cho vật nuôi  - Thiếu điều kiện làm mát cho vật nuôi trong những ngày nắng nóng  **\* Tổ chức xã hội:**  - Thị trường tiêu thụ bấp bênh không ổn định, bị thương lái ép giá. **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**  -Còn một số hộ chưa vệ sinh chuồng trại thường xuyên -Kỹ năng chăm sóc gia súc, gia câm còn hạn chế. -15 % hộ dân chưa tham gia tiêm phòng cho gia súc gia cầm. | **\* Vật chất:**  - Gia súc 962 con, gia cầm 1000 cầm  - 20% hộ đã có hầm Biogas xử lý chất thải - 80 % các hộ vệ sinh chuồng trại đảm bảo - kỹ năng về cách phòng chống dịch bệnh cho gia súc gia cầm  **\* Tổ chức xã hội:**  - Thương lái đến tận nhà thu mua  - Thức ăn chăn nuôi được cung cấp đến tận nhà  - Ngân hàng NN và chính sách tạo cơ chế hỗ trợ nguồn vốn chăn nuôi và sản xuất.  - UBND xã tổ chức tiêm phòng gia súc gia cầm định kỳ hàng năm  **Nhận thức, kinh nghiệm:**  -Đa số các hộ xác định chăn nuôi là nguồn kinh tế chủ lực nên đã đầu tư về chuồng trại và con giống.  -85 % hộ dân chưa tham gia tiêm phòng cho gia súc gia cầm. | Vật nuôi bị chết hoặc dịch bệnh gây chậm phát triển | Thấp |
| Bão/lụt | Trung Bắc | 245 | -**\* Vật chất:**  30 % chuồng trại. tạm bợ, chưa đảm bảo. -Nhiều hộ dân mua giống trôi nổi, không rõ nguồn gốc.  - Chưa có hệ thống xử lý chất thải. -' Chưa dự trữ thức ăn chăn nuôi.  - Giá thức ăn gia súc cao và bị động vào thương lái.  - Thiếu điều kiện làm mát cho vật nuôi trong những ngày nắng nóng  **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Giá cả thị trường bấp bênh, giá thức ăn gia súc tăng. giá thương phẩm thấp.  Vẫn còn một số hộ chưa chấp hành tiêm phòng vác xin theo định kỳ  cho gia súc gia cầm.  - Một số hộ chăn nuôi còn xả thải ra môi trường, vệ sinh chuồng trại chưa sạch sẽ. | **Vật chất**   - Gia súc: 228 con, gia cầm 1200 con.  - 80% số hộ chăn nuôi có chuồng trại sạch sẽ và có hố chứa nước thải, trong đó có 20% số hộ có bể Bioga  **Tổ chức xã hội**  - Định kỳ tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm 2 đợt/năm.  - Thường xuyên làm tốt công tác vệ sinh chuồng trại, lựa chọn giống, công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm.  - Thức ăn gia súc, gia cầm được các đại lý cung ứng trả chậm.  - Thương lái thu mua tận nhà.  - Nhà nước tạo điều kiện về cơ chế, cho vay vốn chăn nuôi.  **Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Làm tốt công tác vệ sinh chuồng trại, lụa chọn giống |  |  |
| Bão/lụt | Thắng Thịnh | 239 | **Vật chất:**  - Còn có nhiều hộ chưa có điều kiện đầu tư chuồng trại phù hợp gây ô nhiễm môi trường và bị thiệt hại khi có thiên tai.  - Một số hộ chưa có bioga xử lý nước thải - Làm tốc mái chuồng trại chăn nuôi  **Tổ chức xã hội** - Giá cả thị trường không ổn định, ảnh hưởng đến hộ chăn nuôi.  - Các ban ngành chưa vào cuộc để khâu nối thị trường.  **\* Nhận thức, kinh nghiệm**  -Một bộ phận nhân dân chưa quan tâm đến phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc gia cầm ,chưa thực hiện tố gây mất VSMT ,Trong chản nuôi | **Vật chất**  - Gia súc 380 con, gia cầm 5800 con - Chủ động làm bể bioga để tiêu nước thai chăn nuôi -Dự trữ thức ăn  - Phòng chống bệnh dịch, tiêm vác xin. - Xây chuồng trại kiên cố, chằng chống khi có bão **\* Tổ chức xã hội**  -Các đoàn thể tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành nghiêm pháp lệnh thú y, tổ chức tiêm phòng gia súcnăm 2 lần .  - Có tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi.  - Truyên truyền vệ sinh phòng bệnh cho gia súc gia cầm.  - Có một cán bộ thú y nhiệt tình, có chuyên môn tốt .  **\* Nhận thức, kinh nghiệm**  Một số hộ dân thường xuyên chăn nuôi nên có kinh nghiệm trong chăm sóc và phòng trừ dịch bệnh cho gia súc, gia cầm.  - Một số hộ có hầm biogas để xử lý phân và chất thải |  |  |

1. **Thủy Sản**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão/lụt | Bách Lợi | 247 | **Vật Chất:**  - 100% diện tích nuôi tôm khu vực đầm có nguy cơ nước tràn ngập ao hồ.  - 80% diện tích ao hồ không kiên cố, chủ yếu đắp bờ và dễ bị vỡ, tràn trong mùa mưa.  - Giống mua tự do, nên nhiều khi giống trôi nổi chưa đảm bảo chất lượng giống.  - Không chủ động được nguồn giống  - Dịch bệnh ảnh hưởng tới tôm  - Chưa chủ động được nguồn nước nuôi trồng  **Tổ chức xã hội** - Thị trường và giá cả không ổn định do chưa có hệ thống nghiên cứu thị trường và đảm bảo hệ thống phân phối đầu ra.  **Ý thức, kinh nghiệm**  Chưa ý thức xây dựng hệ thống bờ bao kiên cố. | **Vật chất:**   * Có 20% có ao hồ kiên cố. * Nguồn thức ăn tận dụng cỏ, cám, là chuối trong vườn để nuôi cá. * Đắp bờ, nâng cấp ao hồ cho nuôi trồng thủy hải sản - Thuốc phòng bệnh cho thủy hải sản   **Tổ chức xã hội**  - Toàn xã có 1 thú y viên   * Các đoàn thể đã đấu mối và tín chấp với các ngân hàng để vay vốn nuôi trồng thủy sản * UBND xã đã đưa nuôi trồng thủy sản là một ngành được ưu tiên để phát triển kinh tế.   **Ý thức kinh nghiệm**  Người dân có kỹ năng phòng chống dịch bệnh cho nuôi trồng thủy hải sản | Thủy sản bị dịch bệnh làm giảm năng suất hoặc chết. thất thoát về tôm, cá khi nước lụt tràn vào ao nuôi.  Sạt lở, hư hại ao nuôi | Thấp  Thấp |

1. **Du lịch**

Không có

1. **Buôn bán và dịch vụ khác**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Bão/lụt | Long Khang | 292 | **Vật chất**  - Buôn bán nhỏ lẻ - Mặt hàng chưa đa dạng, phong phú  - Không có chợ, người dân chỉ bán nhỏ lẻ tại nhà. - Khi mất điện ảnh hưởng đến các hộ xay xát, cơ khí và ảnh hưởng đến bảo quản thực phẩm tươi sống.  -Chưa có kho dự trữ hàng hóa.  **Tổ chức xã hội**  Chất lượng hàng hóa chưa được kiểm soát, chưa kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm.  Chưa thường xuyên tổ chức kiểm tra an toàn thực phẩm.  Nguồn gốc các mặt hàng phục vụ nhu cầu của nhân dân đa số không rõ nguồn gốc.  **\* Nhận thức, kinh nghiệm**  - Kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm của người dân chưa được đồng đều  - Người dân còn mua chịu, bị nợ đọng có khi mất vốn.  - Chưa đầu tư trang thiết bị để bảo quản thực phẩm tươi sống khi mất điện | **Vật chất**  - Có 55 hộ kinh doanh cửa hàng tạp hóa và dịch vụ, trong đó bao gồm 02 hộ bán thực phẩm tươi sống, có 03 hộ bán rau quả tươi và các mặt hàng phục nhu cầu thiết yếu của nhân dân, cơ khí có 5 hộ, xay xát 3 hộ, có 03 xưởng làm mộc. Luôn phục vụ nhu cầu của nhân dân trong xóm, xe chở khách 7 chỗ ngồi xe, xe ba gác 4 cái vận chuyển hàng hóa và phục vụ nhân dân trong xóm. -Có 02 cửa hàng thuốc tây, một hộ chữa bệnh tại nhà. -Có 02 hộ may mặc. -Có 02 hộ sửa xe máy  - Có vốn để đầu tư buôn bán, có thu nhập hàng ngày.  -  **\* Tổ chức xã hội**  - Chính quyền tạo điều kiện về thủ tục, về vay vốn.  - Có chế độ miễn, giảm thuế cho các hộ bị thiệt hại vì thiên tai.  - Có vốn để đầu tư của ngân hàng CSXH, Ngân hàng nông nghiệp huyện Nga Sơn để buôn bán, có thu nhập hàng ngày.  - Chính quyền tạo điều kiện về thủ tục, về vay vốn.  - Có chế độ miễn, giảm thuế cho các hộ bị thiệt hại vì thiên tai.  **\* Nhận thức kinh nghiệm**  Một số hộ buôn bán đã mạnh dạn đầu tư kinh doanh lớn | -Lều quán bị hư hỏng, sập đổ. | Thấp |
| Bão/lụt | Bách Lợi | 247 | **Vật chất**   * Chưa có chợ   - Mất điện:Khó khăn trong việc bảo quản thực phẩm tươi sống.  -Các các cửa hàng cơ khí, xay sát ngừng hoạt động.  - Hàng hóa bị ẩm mốc hư hỏng khi lụt kéo dài  - Gián đoạn việc buôn bán  **Tổ Chức xã hội**  - Ý thức trong việc phòng chống cháy nổ chưa cao  -Chưa thường xuyên tổ chức kiểm tra an toàn thực phẩm.  -Nguồn gốc các mặt hàng phục vụ nhu cầu của nhân dân đa số không rõ nguồn gốc.  **\* Nhận thức, kinh nghiệm**  - Người dân còn mua chịu, bị nợ đọng có khi mất vốn. | **Vật Chất**  Có 70 hộ hoạt động kinh doanh và dịch vụ, trong đó:  - Xưởng gỗ 1 hộ,  - 3 hộ may mặc,   * Buôn bán thực phẩm tươi sống 6 hộ, * kinh doanh hàng ăn 1 hộ,   - 01 hộ kinh doanh gas  - 5 hộ cơ khí  - 3 hộ xay sát  - 1 sửa chữa xe máy  - Có vốn để đầu tư của ngân hàng CSXH , Ngân hàng nông nghiệp huyện Nga Sơn để buôn bán, có thu nhập hàng ngày.  **\* Tổ chức xã hội**  - Chính quyền tạo điều kiện để vay vốn phát triển sản xuất.  -Tạo điều kiện để thuê mặt bằng sản xuất, kinh doanh.  **\* Nhận thức kinh nghiệm**  Có kinh nghiệm trong việc tích trữ hàng hóa. | - Tồn đọng hàng | - Thấp |
| Bão/lụt | Trung Bắc | 245 | **Vật chất**  - Chưa có chợ, thiếu đầu mối cung cấp và tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là hàng nông sản.  -  Số hộ buôn bán, làm dịch vụ ít, chủ yếu là buôn bán nhỏ lẻ.  - Chủ yếu buôn bán tự phát chưa thực hiện chuỗi liên kết trong kinh doanh.  - Chưa chủ động được nguồn điện để bảo quản hàng hóa.  **\* Tổ chức xã hội**  -Nguồn gốc các mặt hàng phục vụ nhu cầu của nhân dân đa số không rõ nguồn gốc.  **\* Nhận thức kinh nghiệm**  - Chưa mạnh dạn vay vốn để phát triển sản xuất.  Chưa nắm bắt được nhu cầu của thị trường nên chưa có kế hoạch dự trữ hàng hóa trong mùa mưa, bão. | **Vật chất**   - Có 63 hộ buôn bán dịch vụ khác, có doanh nghiệp Thi Nghê và Công ty Ánh Hường sản xuất cói lõi trên địa bàn nên đã tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho 45 lao động.  - Có 05 của hàng cơ khí, 03 máy xay xát; 01 hộ kinh doanh gas, 01 hộ buôn bán chim và ép dầu lạc, 01 hộ kinh doanh chế biến lạc thương phẩm, 06 hộ kinh doanh xe vận tải, du lịch.  - 01 cơ sở sản xuất gạch Bloc thu hút 8 lao động địa phương.  - Có vốn để đầu tư buôn bán, có thu nhập hàng ngày.  **\* Tổ chức xã hội**  - Chính quyền và Ngân hàng CSXH, Ngân hàng nông nghiệp huyện Nga Sơn tạo điều kiện để vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh.  **\* Nhận thức kinh nghiệm**  -Buôn bán những mặt hàng phù hợp với nhu cầu hàng ngày của người dân.  Chủ động bảo vệ hàng hóa tránh tổn thất trong thiên tai. | - Tồn đọng hàng | Thấp |
| Bão/lụt | Thắng Thịnh | 239 | **Vật Chất** - Không có chợ, phải buôn bán tạm thời. - Mặt hàng không đa dạng.  - Buôn bán quán nhỏ lẻ, nhà xưởng chưa kiên cố.  **\* Tổ chức xã hội**  Chưa kiểm soát được xuất xứ hàng hóa, hàng kém chất lượng trôi nổi nhiều.  **\* Nhận thức kinh nghiệm**  Chưa mạnh dạn vay vốn để phát triển sản xuất.  - Thiếu kinh nghiệm kinh doanh, chưa có cơ sở bán hàng cố định | \* **Vật Chất**  - Có 67 hộ kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ hàng tạp hóa.  -Có vốn để đầu tư buôn bán, có thu nhập hàng ngày  **\* Tổ chức xã hội**  Chính quyền tạo điều kiện thuê mặt bằng để kinh doanh, buôn bán  - Được vay vốn tín chấp qua ngân hàng chinh sách để vay vốn kinh doanh.  - Có vốn để đầu tư của ngân hàng CSXH, Ngân hàng nông nghiệp huyện Nga Sơn để buôn bán, có thu nhập hàng ngày.  **\* Nhận thức, kinh nghiệm**  - Buôn bán những mặt hàng phù hợp với nhu cầu hàng ngày của người dân  - Có kinh nghiệm trong việc tích trữ hàng hóa. | Hàng hóa bị ẩm , gián đoạn tiêu thụ hàng hóa, nhà dễ bi sập do tạm bợ. | Trung bình |

1. **Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Bão/lụt | Long Khang | 292 | **\* Vật Chất**  - Đường truyền internet bị ảnh hưởng - Hệ thống loa truyền thanh của xóm bị gián đoạn. -Mất điện không phát thanh cũng không xem ti vi.  -Thiếu loa cầm tay.  - 10% không tiếp cận được thông tin (chủ yếu là người già).  **\* Tổ chức xã hội**  - Công tác phối hợp tuyên truyền cho nhân dân trong phòng chống thiên tai còn hạn chế.  **\* Nhận thức, kinh nghiệm**  Người dân còn thờ ơ, chưa quan tâm theo dõi thông tin diễn biến của thiên tai nên còn xảy ra một số trường hợp bị thương và chết người. | **\* Vật Chất**  - Xóm có 8 loa truyền thanh (trong đó có 4 loa trong nhà hóa và 4 loa ngoài trời) tuyên truyền cảnh báo bảo lụt kịp thời, tiếp cận được 100% hộ dân. - 100% số có TV trong xóm được tiếp cận với truyền hình, truyền thanh của trung ương và của tỉnh. - 100% số dân trong xóm được tiếp cận với các hình thức cảnh báo sớm, khẩn cấp khác - Có 246 hộ dân ( 84,2%) được tiếp cận với intenet (điện thoại thông minh) và công nghệ thông tin. -Trình độ văn hóa của người dân ngày càng được nâng cao nên xử lý thông tin nhanh và chính xác hơn. -Có một cột phát sóng của viettel -Khi có vấn đề khẩn cấp thôn phát thanh tuyên truyền đến người dân qua hệ thống truyền thanh của thôn.  **\* Tổ Chức xã hội**  - Hàng năm bố trí kinh phí để sửa chữa , khắc phục và nâng cấp hệ thống loa trên địa bàn xã nhưng hiện nay đã xuống cấp.  - Thường xuyên tuyên trền trên hệ thống truyền thanh và cảnh báo người dân cảnh giác khi có thiên tai xảy ra  **\*Nhận thức kinh nghiệm**  -Đa số người dân chủ động tiếp nhận thông tin cảnh báo sớm và thực hiện các hoạt động phòng ngừa khi nghe tin có bão như: chằng chống nhà cửa và sơ tán đến nơi an toàn | -Công tác tuyên truyền bị gián đoạn. - Hệ thống truyền thanh và intenet bị gián đoạn. Dẫn đến không đảm bảo thông tin liên lạc. | Thấp |
| Bão/lụt | Bách Lợi | 247 | **\* Cơ sở vật chất:**  - Có 2 loa bị xuống cấp  - Làm hư hỏng đường truyền - Mất điện không nghe được phát thanh cũng như xem TV  - Thiếu phương tiện cảnh báo sớm.  Thiếu loa di động.  **\* Tổ chức xã hội:**  -Kinh phí chưa đảm bảo để nâng cấp, sửa chữa và bổ sung các cụm loa truyền thanh để kịp thời cảnh báo người dân khi có thiên tai.  **\* Nhận thức, kinh nghiệm**  Một số người dân chưa quan tâm đến thông tin truyên truyền, dự báo cảnh báo, khi có lệnh sơ tán phải đến tận hộ gia đình vận động | **\* Cơ sở vật chất:**  Có 8 loa truyền thanh loa phát thanh ngoài hỗ trợ tuyên truyền cảnh báo bão lụt kịp thời tiếp cận được 100% hộ dân  - 100% hộ dân có TV tiếp cận được với thông tin của trung ương cũng như địa phương  - 201 hộ sử dụng Internet (điện thoại thông minh)  100% hộ có sử dụng điện thoại di động  - Tổ chức các hoạt động truyên truyền PCTT .  Công tác tuyên truyền vận động tốt sẽ giảm thiểu được thiệt hại do thiên tại gây ra.  Trình độ văn hóa của người dân ngày càng nâng cao, nên sử lý thông tin nhanh và được chính xác hơn  - Khi có vấn đề khẩn cấp, thôn phát thanh tuyên truyền đến người dân qua hệ thông của thôn.  - 1 trạm khí tượng thủy văn đặt tại trạm y tế để đo chênh lệch mực nước biển  **\* Tổ chức xã hội:**  -Tổ chực các hoạt động truyên truyền PCTT .  Công tác tuyên truyền vận động tốt sẽ giảm thiểu được thiệt hại do thiên tại gây ra  **\* Nhận thức, kinh nghiệm**  Đa số người dân chủ động chằng chống nhà cửa và sơ tán khi có cảnh báo về thiên tai xảy ra.  Người dân nhiệt tình tham gia các hoạt động truyên truyền thông qua hoạt động văn nghệ, có sáng tác về PCTT | - Công tác tuyên truyền bị gián đoạn | - Thấp |
| Bão/lụt | Trung Bắc | 245 | \***Vật Chất**  - Thời tiết xấu ảnh hưởng đến hệ thống truyền thanh của xóm; hơn nữa hệ thống loa máy của các thôn còn thô sơ.  - Một số hộ dân chưa coi trọng việc cảnh báo của chính quyền cũng như ban chỉ huy phòng chống lụt bão.  - Còn chủ quan trong việc chằng chống nhà cửa.  - Thiếu tín hiệu báo động khẩn cấp khi có tình huống xảy ra.  **\* Tổ chức xã hội**  Cán bộ phụ trách chưa có chuyên môn, kỹ thuật, chưa có kinh nghiệm viết tin bài.  **\* Nhận thức, kinh nghiệm**  Công tác tuyên truyền chưa kịp thời đến một số hộ dân nên, chưa chủ động di dời gây thiệt hại về tài sản của người dân. | **\* Vật Chất**  - Số hộ dân tiếp cận với các đài phát thanh tỉnh, huyện 100% qua TV, điện thoại di động  - Số loa phát thanh là 08 đảm bảo thông tin tới các hộ dân.  - Làm tốt công tác dự thính, dự báo, chọn bộ giống tốt đưa vào sản xuất, thâm canh.  - 90% số hộ có điện thoại thông minh và tiếp cận được với Internest.  - Có 40% số hộ đã mắc Internest.  **\* Tổ Chức xã hội**  - Làm tốt công tác tuyên truyền, khuyến cáo cho nhân dân trong việc sử dụng các biện pháp tiêu độc, khử trùng; vệ sinh an toàn thực phẩm trong mùa mưa bão.  - Xây dựng đội ngũ cộng tác viên viết bài, đưa tin.  - Tổ chực các hoạt động truyên truyền PCTT .  **\* Nhận thức, kinh nghiệm.**  Một số người dân nhiệt tình tham gia các hoạt động truyên truyền thông qua hoạt động văn nghệ, có sáng tác về PCTT | - Công tác tuyên truyền bị gián đoạn | - Thấp |
| Bão/lụt | Thắng Thịnh | 239 | **\* Vật Chất**  - Mưa bão gây mất điện làm ảnh hưởng việc sử dụng các thiết bị truyền hình, phát thanh,hệ thống intenet. - Một số hộ Chưa có hệ thống tiếp âm chống sét  -Ảnh hưởng mất điện  - Nắng nóng, giông mưa sét đánh chập cháy thiết bị điện như ti vi và hệ thống intenet.  **\* Tổ chức xã hội**  Ban lãnh đạo thôn tổ chức công tác tuyên truyền, dự thính, dự báo, cảnh báo diễn biến thiên tai kịpchưa thời cho người dân.  **\* Nhận thức, kinh nghiệm**  Một số hộ dân lo làm ăn, ít quan tâm đến thông tin truyên truyền dự báo cảnh | **\*Vật Chất**  -100% số hô sử dụng tivi và tiếp cận truyền hinh tỉnh , Trung ương- Số loa phat thanh của thôn là 6 cái - 80% số hộ tiếp cận với inenet( dùng điện thoại thông minh) - 211 hộ nhà an toàn có hệ thống chống sét.  - Chủ động dùng máy phát điện, truyền thông cảnh báo lắp đặt hệ thống chống sét.  - Xây dựng nhà an toàn.  **\* Tổ chức xã hội**  Tổ chức vận động nhân dân ở vùng nguy cơ cao sớm di dời đến nơi an toàn và thực hiện việc cưỡng chế nếu không chấp hành.  **\* Nhận thức, kinh nghiệm**  Đa số hộ dân tham gia các cuộc họp có truyên truyền về PCTT  - Người dân chủ động chèn chống nhà cử và sơ tán khi có cảnh báo về thiên tai xảy ra. | Loa phát thanh có thể bị hư hỏng cục bộ, làm gián đoạn hệ thống thông tin cảnh báo. | Thấp |

## **Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| Bão lụt | Long Khang | 292 | * **Vật chất** * Số phụ nữ làm chủ hộ: 55 * Hộ nghèo: 11 * Cận nghèo: 40 * Trẻ em dưới 5 tuổi: 99 * Trẻ em từ 5-16 tuổi: 207 * Phụ nữ có thai:9 * Người cao tuổi 130 * Người khuyết tật: 30 * Người bị bệnh hiểm nghèo: 3 * Người dân tộc thiểu số: 2 * Phương tiện cứu hộ, cứu nạn chỉ được trang bị ở cấp xã nhưng cũng không được đầy đủ   **Tổ chức xã hội**   * Lực lượng ứng phó thiên tai của xã không được diễn tập thường xuyên * Mới chỉ có 3/25 người của ban chỉ huy được tập huấn về phòng chống thiên tai.   **Ý thức, kinh nghiệm, thái độ - động cơ**  Còn một số ít người dân chưa có kiến thức tốt về phòng chống thiên tai.  Một số ít chưa chủ động chằng chống nhà cửa khi có thông tin thiên tai. | **Vật chất:**   * 100% Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh * 100% Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh * Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới): 4 cái * 100% Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh bảo sớm/khẩn cấp khác (còi ủ, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn * 100% Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu) * 246 hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin. * Điểm trú ẩn an toàn: Tại 3 trường và trụ sở UBND xã.   **Tổ chức xã hội:**   * Thôn có kế hoạch/phương án phòng chống thiên tai * Đội xung kích được thành lập tại thôn * Chuẩn bị được khá tốt vật tư, cơ số thuốc dự phòng tại cấp xã * BCH Phòng chống thiên tai xã/thôn làm tốt công tác cảnh báo sớm về thông tin thiên tai đến người dân.   **Ý thức, kinh nghiệm, thái độ - động cơ**   * Trên 90% người dân có kiến thức tốt về phòng chống thiên tai * 85% người dân trong thôn có khả năng và tự giác chằng chống nhà cửa khi có thông tin thiên tai * 100% người dân có ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh trong thiên tai | * Nhà cửa bị thiệt hại trong thiên tai   Đội cứu hộ có thể bị tai nạn khi tham gia ứng cứu | Thấp  Thấp |
| Bão/lụt | Bách Lợi | 247 | **Vật chất**   * Số phụ nữ làm chủ hộ: 21 * Hộ nghèo: 10 * Cận nghèo: 33 * Trẻ em dưới 5 tuổi: 156 * Trẻ em từ 5-16 tuổi: 172 * Phụ nữ có thai:15 * Người cao tuổi 111 * Người khuyết tật 17 * Người bị bệnh hiểm nghèo * Người dân tộc thiểu số: 1 * Phương tiện cứu hộ, cứu nạn chỉ được trang bị ở cấp xã nhưng cũng không được đầy đủ   **Tổ chức xã hội**   * Lực lượng ứng phó thiên tai của xã không được diễn tập thường xuyên * Mới chỉ có 3/25 người của ban chỉ huy được tập huấn về phòng chống thiên tai.   **Ý thức, kinh nghiệm, thái độ - động cơ**  Còn một số ít người dân chưa có kiến thức tốt về phòng chống thiên tai.  Một số ít chưa chủ động chằng chống nhà cửa khi có thông tin thiên tai. | **Vật chất:**   * 100% Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh * 100% Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh * Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới): 8 cái * 100% Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh bảo sớm/khẩn cấp khác (còi ủ, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn * 100% Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu) * Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin: 219 hộ * Điểm trú ẩn an toàn: Tại 3 trường và trụ sở UBND xã.   **Tổ chức xã hội:**   * Thôn có kế hoạch/phương án phòng chống thiên tai * Đội xung kích được thành lập tại thôn * Chuẩn bị được khá tốt vật tư, cơ số thuốc dự phòng tại cấp xã * BCH Phòng chống thiên tai xã/thôn làm tốt công tác cảnh báo sớm về thông tin thiên tai đến người dân.   **Ý thức, kinh nghiệm, thái độ - động cơ**   * Trên 90% người dân có kiến thức tốt về phòng chống thiên tai * 85% người dân trong thôn có khả năng và tự giác chằng chống nhà cửa khi có thông tin thiên tai * 100% người dân có ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh trong thiên tai | * Nhà cửa bị thiệt hại trong thiên tai * Đội cứu hộ có thể bị tai nạn khi tham gia ứng cứu | Thấp  Thấp |
| Bão/lụt | Trung Bắc | 245 | **Vật chất**   * Số phụ nữ làm chủ hộ: 56 * Hộ nghèo: 9 * Cận nghèo: 30 * Trẻ em dưới 5 tuổi: 105 * Trẻ em từ 5-16 tuổi: 171 * Phụ nữ có thai:13 * Người cao tuổi 129 * Người khuyết tật22 * Người dân tộc thiểu số: 2 * Phương tiện cứu hộ, cứu nạn chỉ được trang bị ở cấp xã nhưng cũng không được đầy đủ   **Tổ chức xã hội**   * Lực lượng ứng phó thiên tai của xã không được diễn tập thường xuyên * Mới chỉ có 3/25 người của ban chỉ huy được tập huấn về phòng chống thiên tai.   **Ý thức, kinh nghiệm, thái độ - động cơ**  Còn một số ít người dân chưa có kiến thức tốt về phòng chống thiên tai.  Một số ít chưa chủ động chằng chống nhà cửa khi có thông tin thiên tai. | **Vật chất:**   * 100% Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh * 100% Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh * Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới): 6 cái hoạt động tốt. * 100% Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh bảo sớm/khẩn cấp khác (còi ủ, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn * 100% Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu) * Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin: 205 hộ * Điểm trú ẩn an toàn: Tại 3 trường và trụ sở UBND xã.   **Tổ chức xã hội:**   * Thôn có kế hoạch/phương án phòng chống thiên tai * Đội xung kích được thành lập tại thôn * Chuẩn bị được khá tốt vật tư, cơ số thuốc dự phòng tại cấp xã * BCH Phòng chống thiên tai xã/thôn làm tốt công tác cảnh báo sớm về thông tin thiên tai đến người dân.   **Ý thức, kinh nghiệm, thái độ - động cơ**   * Trên 90% người dân có kiến thức tốt về phòng chống thiên tai * 85% người dân trong thôn có khả năng và tự giác chằng chống nhà cửa khi có thông tin thiên tai * 100% người dân có ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh trong thiên tai | * Nhà cửa bị thiệt hại trong thiên tai * Đội cứu hộ có thể bị tai nạn khi tham gia ứng cứu | Thấp  Thấp |
| Bão/lụt | Thắng Thịnh | 239 | **Vật chất**   * Số phụ nữ làm chủ hộ: 60 * Hộ nghèo: 10 * Cận nghèo:30 * Trẻ em dưới 5 tuổi: 74 * Trẻ em từ 5-16 tuổi: 175 * Phụ nữ có thai:12 * Người cao tuổi 127 * Người khuyết tật 13 * Người dân tộc thiểu số: 3 * Phương tiện cứu hộ, cứu nạn chỉ được trang bị ở cấp xã nhưng cũng không được đầy đủ   **Tổ chức xã hội**   * Lực lượng ứng phó thiên tai của xã không được diễn tập thường xuyên * Mới chỉ có 3/25 người của ban chỉ huy được tập huấn về phòng chống thiên tai.   **Ý thức, kinh nghiệm, thái độ - động cơ**  Còn một số ít người dân chưa có kiến thức tốt về phòng chống thiên tai.  Một số ít chưa chủ động chằng chống nhà cửa khi có thông tin thiên tai. | **Vật chất:**   * 100% Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh * 100% Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh * Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới): 7 cái hoạt động tốt. * 100% Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh bảo sớm/khẩn cấp khác (còi ủ, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn * 100% Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu) * Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin: 201 hộ * Điểm trú ẩn an toàn: Tại 3 trường và trụ sở UBND xã.   **Tổ chức xã hội:**   * Thôn có kế hoạch/phương án phòng chống thiên tai * Đội xung kích được thành lập tại thôn * Chuẩn bị được khá tốt vật tư, cơ số thuốc dự phòng tại cấp xã * BCH Phòng chống thiên tai xã/thôn làm tốt công tác cảnh báo sớm về thông tin thiên tai đến người dân.   **Ý thức, kinh nghiệm, thái độ - động cơ**   * Trên 90% người dân có kiến thức tốt về phòng chống thiên tai * 85% người dân trong thôn có khả năng và tự giác chằng chống nhà cửa khi có thông tin thiên tai * 100% người dân có ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh trong thiên tai | * Nhà cửa bị thiệt hại trong thiên tai   Đội cứu hộ có thể bị tai nạn khi tham gia ứng cứu | Thấp  Thấp |
| …. | ***Ghi chú khác*** | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền***  Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)  Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH mà xã/thôn đã có  Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH của ***từng loại hình thiên tai*** tại từng thôn  Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6) | | | | | | |

## **Giới trong PCTT và BĐKH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão lụt | Long Khang | 292 | * Số phụ nữ làm chủ hộ: 55 * Hộ nghèo: 11 * Cận nghèo: 40 * Trẻ em dưới 5 tuổi: 99 –nữ 51 * Trẻ em từ 5-16 tuổi: 207-nữ 107 * Phụ nữ có thai:9 * Người cao tuổi 130-nữ 69 * Người khuyết tật: 30 –nữ 16 * Người bị bệnh hiểm nghèo: 3 – nữ 2 * Người dân tộc thiểu số: 2 – nữ 2 * Dễ bị tai nạn trong việc sơ tán, kê kích vật dụng và gia súc gia cầm lên cao, chằng chống nhà cửa * Một số ít thiếu kiến thức về PCTT. * - Nam đi làm ăn xa nên một số hộ thiếu nhân lực PCTT | - Phụ nữ đơn thân và phụ nữ trụ cột gia đình đều có ý thức tự khắc phục, không ỷ lại sự hỗ trợ người khác.  - Phần lớn chị em chủ động, tự chủ trong PCTT  - Trong gia đình nam gia quyền quản lý tiền và chi tiêu cho phụ nữ, khi mua sắm lớn có bàn bạc thống nhất  -Cả hai giới đều tham gia sản xuất phát triển kinh tế | - Người già, người khuyết tật trong các hộ nghèo có nguy cơ tai nạn khi có thiên tai.  - Phu nữ nguy cơ bị tại nạn nhiều hơn nam giới khi chằng chống nhà cửa.  - Nam nguy cơ bị tai nạn trong cứu hộ cứu nan | Trung bình  Thấp  Thấp |
| Bão/lụt | Bách Lợi | 247 | **Vật chất**   * Số phụ nữ làm chủ hộ: 21 * Hộ nghèo: 10 * Cận nghèo: 33 * Trẻ em dưới 5 tuổi: 156 – nữ 78 * Trẻ em từ 5-16 tuổi: 172 – nữ 78 * Phụ nữ có thai:15 * Người cao tuổi 111 – nữ 60 * Người khuyết tật 17 – nữ 10 * Người dân tộc thiểu số: 1 – nữ 1 * Dễ bị tai nạn trong việc sơ tán, kê kích vật dụng và gia súc gia cầm lên cao, chằng chống nhà cửa * Một số ít thiếu kiến thức về PCTT. * - Nam đi làm ăn xa nên một số hộ thiếu nhân lực PCTT | - Phụ nữ đơn thân và phụ nữ trụ cột gia đình đều có ý thức tự khắc phục, không ỷ lại sự hỗ trợ người khác.  - Phần lớn chị em chủ động, tự chủ trong PCTT  - Trong gia đình nam gia quyền quản lý tiền và chi tiêu cho phụ nữ, khi mua sắm lớn có bàn bạc thống nhất  -Cả hai giới đều tham gia sản xuất phát triển kinh tế | - Người già, người khuyết tật trong các hộ nghèo có nguy cơ tai nạn khi có thiên tai.  - Phu nữ nguy cơ bị tại nạn nhiều hơn nam giới khi chằng chống nhà cửa.  - Nam nguy cơ bị tai nạn trong cứu hộ cứu nan | Trung bình  Thấp  Thấp |
| Bão/lụt | Trung Bắc | 245 | * Số phụ nữ làm chủ hộ: 56 * Hộ nghèo: 9 * Cận nghèo:30 * Trẻ em dưới 5 tuổi: 105 – nữ 48 * Trẻ em từ 5-16 tuổi: 171- nữ 88 * Phụ nữ có thai:13 * Người cao tuổi 129 – nữ 55 * Người khuyết tật 22 – nữ 11 * Người dân tộc thiểu số: 2 – nữ 2 * Dễ bị tai nạn trong việc sơ tán, kê kích vật dụng và gia súc gia cầm lên cao, chằng chống nhà cửa * Một số ít thiếu kiến thức về PCTT. * - Nam đi làm ăn xa nên một số hộ thiếu nhân lực PCTT | - Phụ nữ đơn thân và phụ nữ trụ cột gia đình đều có ý thức tự khắc phục, không ỷ lại sự hỗ trợ người khác.  - Phần lớn chị em chủ động, tự chủ trong PCTT  - Trong gia đình nam gia quyền quản lý tiền và chi tiêu cho phụ nữ, khi mua sắm lớn có bàn bạc thống nhất  -Cả hai giới đều tham gia sản xuất phát triển kinh tế | - Người già, người khuyết tật trong các hộ nghèo có nguy cơ tai nạn khi có thiên tai.  - Phu nữ nguy cơ bị tại nạn nhiều hơn nam giới khi chằng chống nhà cửa.  - Nam nguy cơ bị tai nạn trong cứu hộ cứu nan | Trung bình  Thấp  Thấp |
| Bão/lụt | Thắng Thịnh | 239 | * Số phụ nữ làm chủ hộ: 60 * Hộ nghèo: 10 * Cận nghèo:30 * Trẻ em dưới 5 tuổi: 74- nữ 41 * Trẻ em từ 5-16 tuổi: 175 – nữ 89 * Phụ nữ có thai:12 * Người cao tuổi 127 – nữ 54 * Người khuyết tật 13 – nữ 7 * Người dân tộc thiểu số: 3 – nữ 3 * Dễ bị tai nạn trong việc sơ tán, kê kích vật dụng và gia súc gia cầm lên cao, chằng chống nhà cửa * Một số ít thiếu kiến thức về PCTT. * - Nam đi làm ăn xa nên một số hộ thiếu nhân lực PCTT | - Phụ nữ đơn thân và phụ nữ trụ cột gia đình đều có ý thức tự khắc phục, không ỷ lại sự hỗ trợ người khác.  - Phần lớn chị em chủ động, tự chủ trong PCTT  - Trong gia đình nam gia quyền quản lý tiền và chi tiêu cho phụ nữ, khi mua sắm lớn có bàn bạc thống nhất  -Cả hai giới đều tham gia sản xuất phát triển kinh tế | - Người già, người khuyết tật trong các hộ nghèo có nguy cơ tai nạn khi có thiên tai.  - Phu nữ nguy cơ bị tại nạn nhiều hơn nam giới khi chằng chống nhà cửa.  - Nam nguy cơ bị tai nạn trong cứu hộ cứu nan | Trung bình  Thấp  Thấp |
|  | Thôn…. |  |  |  |  |  |
| …. | ***Ghi chú khác*** | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền***  Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)  Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Giới trong Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH mà xã/thôn đã có  Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Giới Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH của ***từng loại hình thiên tai*** tại từng thôn  Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Giới Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6) | | | | | | |

## **Các lĩnh vực/ngành then chốt khác**

# **Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp**

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự vấn đề ưu tiên (\*)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **TTDBTD** | **Nguyên nhân** | **Giải pháp**  (tách biệt giải pháp cho Nam/Nữ nếu được) |
| 1 | Thiệt hại lúa và cây màu khác | - kênh mương không đáp ứng được tiêu úng kịp thời.  -Ngập úng diện tích lúa 1,5 ha ở Roc Họ, Rọc Phương và Nam nến 2 ha.  - 4.3ha khu vực đầm Hội thi, xóm 8 dễ ngập lụt.  - Nhiễm mặn, thiếu nước ảnh hưởng đến diện tích cây trồng. | - Hệ thống thủy lợi, kênh mươngchưa kiên cố, bị bồi lấp không cung cấp đủ nước tưới và gây ngập úng kéo dài nhiều ngày.  - Chưa có trạm bơm đảm bảo để cung cấp và tiêu thoát nước cho đồng ruộng.  - Chưa mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, Sử sụng giống mới chưa đồng bộ.  - Trồng lúa và hoa màu chưa mang tính hàng hóa, chưa có đầu ra ổn định, giá cả bấp bênh, thu nhập thấp.  - HTX nông nghiệp năng lực hạn chế, chưa bao tiêu sản phẩm, chủ yếu là người dân tự cung, tự cấp.  - Có tập huấn nhưng chưa được nhiều.  - Thuốc bảo vệ thực vật trôi nổi, người dân sử dụng bừa bãi chưa theo khuyến cáo. | \***Giải pháp công trình**  - Củng cố, nâng cấp hệ thống kênh mương, thủy lợi, bê tông hóa kênh mương và đường giao thông nội đồng.  - Xây dựng thêm một số tuyến kênh mương phục vụ tưới và tiêu thoát nước.  \***Giải pháp phi công trình**  - Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn để áp dụng KHKT và cơ giới hóa nông nghiệp.  - Thường xuyên tập huấn chuyển giao KHKT cho người dân.  - Quản lý chặt chẽ về giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.  - Nâng cao năng lực cho HTX nông nghiệp để quản lý vật tư nông nghiệp và tạo đầu ra cho sản phẩm. |
| 2 | Môi trường bị ô nhiễm | * Còn có tình trạng nước thải sinh hoạt bốc mùi trong khu dân cư   - đa số hộ chăn nuôi còn xả chất thải thẳng ra môi trường  - vỏ bào bì thuốc trừ sâu bị vứt bừa bãi trên đồng ruộng  - Nguồn nước giếng khoang bị ô nhiễm.  -Rác thải sinh hoạt còn bị vứt bừa bãi ra môi trường  - Nhân dân thường đốt rơm rạ, xác cây hoa màu gây ô nhiễm môi trường  - Ảnh hưởng KCN nhà máy may Tiên sơn,  Gấu bông Thị trấn Nga Sơn thải chất đốt ra gây ô nhiễm môi trường.   * Rác thải ứ đọng gây ô nhiễm môi trường. | - Ngập lụt lâu ngày, xác súc vật chết, trôi gây ô nhiễm môi trường  - một sô ít hộ còn chưa đóng phí thu gom rác thải  - Chưa có thùng rác nơi công cộng.  - Chưa có đội thu gom rác thải, vỏ bao bì, thuốc trừ sâu trên đồng ruộng  - 80% hộ chăn nuôi chưa có hầmbiogas hợp vệ sinh  - 20% số hộ chưa có rãnh thoát nước.  - Một sô hộ gia đình ý thức bảo vệ môi trường chưa cao, còn vứt rác bừa bãi làm ảnh hưởng đến môi trường.  - Một số hộ chăn nuôi thải chất thải trực tiếp ra đồng ruộng gây ô nhiễm môi trường.  - Chi phí để chi trả cho việc vận chuyển rác không đảm bảo. Một số hộ không chấp hành tốt việc đóng phí vệ sinh.  - Hệ thống kênh mương tiêu thoát nước chưa kiên cố, có nơi không có dẫn đến ùn ứ chất thải và xác động vật. | * Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về vệ sinh môi trường * Thành lập các tổ đội tự quản về vệ sinh môi trường, đồng ruộng * Đặt các thùng thu gom rác tại nơi công cộng và đồng ruộng. * Chính quyền huyện/xã làm việc với các cơ sở công nghiệp yêu cầu tuân thủ các chỉ tiêu vệ xử lý nước thải, khí thải trong sản xuất. |
| 3 | Nguy cơ dịch bệnh về người sau thiên tai | * Cả xã còn 40 hộ nghèo, đa số hộ người già, neo đơn.   - vỏ bào bì thuốc trừ sâu bị vứt bừa bãi trên đồng ruộng  - Nguồn nước giếng khoang bị ô nhiễm.  -Rác thải sinh hoạt còn bị vứt bừa bãi ra môi trường  - Nhân dân thường đốt rơm rạ, xác cây hoa màu gây ô nhiễm môi trường  - Rác thải ứ đọng gây ô nhiễm môi trường.   * Còn có tình trạng nước thải sinh hoạt bốc mùi trong khu dân cư   - đa số hộ chăn nuôi còn xả chất thải thẳng ra môi trường  - Một số người dân chưa có ý thức bảo vệ sức khỏe trong mùa thiên tai (Mặc ấm, ăn chin uống sôi..) | - Hộ nghèo do thiếu lao động, chủ yếu là những hộ già, tuổi cao, không con cháu chăm sóc.  - Ý thức vệ sinh môi trường của một bộ phận nhân dân còn chưa cao.  - Một số ít chủ quan sức khỏe bản thân và gia đình, thiếu hiểu biết về phòng ngừa dịch bệnh.  - Một số hộ không có đủ tiền dung nước máy đảm bảo vệ sinh. Phải dùng nước giếng (bị ô nhiễm khi có bão lụt) | - Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về sức khỏe, vệ sinh môi trường và phòng ngừa dịch bệnh. Đặc biệt là đối với các đối tượng dễ bị tổn thương.  - Tuyên truyền việc mua bảo hiểm y tế định kỳ cho nhân dân.  - Hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế đối với người nghèo. Hộ có hoàn cảnh khó khăn.  - Thiết lập các thiết chế vệ sinh môi trường.  - Các tổ chức đoàn thể huy động hội viên, cộng đồng tham gia làm sạch vệ sinh môi trường, xử lý môi trường sau thiên tai. |
| 4 | Đường giao thông nội đồng có nguy bị hư hại | Hiện cả xã còn hơn 2,5km đường nội đồng bằng đất.  Một số tuyến đường nằm trong vùng trũng, úng khi có lụt. | -Thiếu kinh phí để đầu tư làm mới và tu sửa đường giao thông.  - Do phương tiện tham gia giao thông quá tải (ý thức của các chủ phương tiện, người dân chưa tốt). | - Nâng cao ý thức cho người người dân và chủ các phương tiện trong việc tham gia giao thông.   * Nâng cấp những đoạn đường thường xuyên bị ngập úng. |
| 5 | Nhà cửa có thể bị hư hại | * Có 181 nhà bán kiên cố trên toàn xã * Toàn xã có 40 hộ nghèo, trong đó 30 hộ thuộc diện phụ nữ là chủ hộ * Người dân còn chủ quan. * Thiếu nhân lực để chằng chống trước mùa thiên tai | * Chủ quan không chằng chống nhà ở * Xây nhà không đúng kỹ thuật chống bão lụt * Số hộ nghèo thuộc diện phụ nữ là chủ hộ cao (chiếm 75% trên tổng số hộ nghèo toàn xã) | * Tuyên truyền và hướng dẫn người dân chằng chống nhà cửa trước thiên tai; Nâng cao ý thức phòng chống thiên tai; * - Sơ tán những hộ neo đơn, nhà xuống cấp đến nơi an toàn khi có bão; * Tập huấn cho người dân xây nhà chống bão. |
|  |  |  |  |  |
| **Yêu cầu bắt buộc:** | ***Đưa ra 03 chỉ tiêu để tăng cường công tác giới và giảm rủi ro thiên tai và khí hậu tách biệt cho nam và nữ, trẻ em gái và trai trong vòng 5-10 năm tới tại xã*** | | | |
| ***Lưu ý khác:*** | | | | |
| ***Hướng dẫn điền:*** | | | | |

1. **Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm ngành/lĩnh vực (\*)** | **Các giải pháp đề xuất (\*\*)** | **Địa điểm và đối tượng hưởng lợi** | **Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp**  **(\*\*\*\*)** | **Thời gian dự kiến** | | **Nguồn ngân sách dự kiến** |
| **Ngắn hạn** *(thời thực hiện dưới 2 năm)* | **Dài hạn** *(thời gian thực hiện trên 2 năm)* |
| An toàn với người dân và cộng đồng nói chung và tách biệt giải pháp về giới | Nâng cao nhận thức cộng đồng về PCTT – Đặc biệt chú ý đến phụ nữ/phụ nữ là chủ hộ, trẻ em. | Người dân trên địa bàn xã Nga Hưng | 1. Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh | x | x | 100% nhà nước |
| 2. Tuyên truyền qua các hoạt động của cộng đồng và ban, ngành, đoàn thể | x | x | 100% nhà nước |
| 3. Tuyên truyền bằng Pano, áp phích | x | x |  |
| 4. Diễn tập PCTT | x | x | 30% nhà nước, 70% hỗ trợ từ bên ngoài |
| 5. Lồng ghép qua các hoạt động văn hóa văn nghệ | x | x | 50% nhà nước , 50% hỗ trợ từ bên ngoài |
| 6.Tập huấn PCTT cho người dân và học sinh các trường học | x | x | 30% nhà nước, 70% hỗ trợ từ bên ngoài |
| Hạ tầng công cộng |  |  |  |  |  |  |
| Công trình thủy lợi | Gia cố và nạo vét kênh mương | Người dân toàn xã | Kiên cố hóa 3,1 km kênh mương. | x | x | 100% nguồn vốn nhà nước |
| Nhà ở | Tu sửa, nâng cấp nhà tạm – Hỗ trợ những hộ đặc biệt khó khăn | 40 hộ nghèo toàn xã | Xây và nâng câp nhà cho 40 hộ nghèo hiện có nhà thiếu an toàn trước gió bão | x | x | 10% nhà nước  50% người dân  40% dự án GCF |
| Nước sạch, vệ sinh và môi trường | Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường | Người dân toàn xã | Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về vệ sinh môi trường | x | x | 100% nhà nước |
| Thành lập các tổ đội tự quản về vệ sinh môi trường, đồng ruộng | x | x | 100% nhà nước |
| Đặt các thùng thu gom rác tại nơi công cộng và đồng ruộng. | x | x | 100% nhà nước |
| Chính quyền huyện/xã làm việc với các cơ sở công nghiệp yêu cầu tuân thủ các chỉ tiêu vệ xử lý nước thải, khí thải trong sản xuất. | x | x | 100% nhà nước |
| Y tế và quản lý dịch bệnh |  |  |  |  |  |  |
| Giáo dục |  |  |  |  |  |  |
| Rừng |  |  |  |  |  |  |
| Trồng trọt | Nâng cao năng lực bảo vệ lúa, hoa mầu | Người dân toàn xã | Sửa chữa nâng cấp kênh mương | x | X | 100% nhà nước |
| Chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng cho phù hợp vùng đất | x | X | 100% người dân |
| Quy hoạch lại đất sản xuất | x | X | 100% nhà nước |
| Đảm bảo nguồn giống, phân bón thuốc bảo vệ thực vật | x | X | 100% người dân |
|  | Chuyển đổi giống cây con |  |  |  |  |  |
| Chăn nuôi |  |  |  |  |  |  |
| Thủy sản | Nâng cao năng lực bảo vệ thủy sản | Các hộ nuôi thủy sản | Tập huấn nâng cao kỹ thuật, nâng cấp cải tại ao hồ, chuẩn bị hóa chất phòng dịch bệnh cho cá tôm, chủ động nước sạch trong ao hồ | x | x | 50% nhà nước, 50% người dân |
| Du lịch |  |  |  |  |  |  |
| Buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác |  |  |  |  |  |  |
| Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm | Nâng cấp hệ thống thông tin cảnh báo thiên tai | Người dân toàn xã | Sửa chữa loa bị hỏng, trang bị thêm loa mới kể cả loa cầm tay  Thiết lập hệ thống cảnh báo khẩn cấp cho khi có tình huống khẩn cấp | x | x | 100% nhà nước |
| Phòng chống thiên tai và TƯBĐKH | Trang thiết bị cho đội cứu hộ xã và thôn | Người dân tòan xã | Hỗ trợ mua trang thiết bị cứu hộ cứu nạn, sơ cấp cứu | x | x | 50% nhà nước, 50% hỗ trợ bên ngoài |
| Nâng cao năng lực ứng phó cho đội xung kích | Đội xung kích xã | Tập huẫn kỹ năng cho đội xung kích, trung đội mạnh ở xã và thôn về kỹ năng TKCN sơ cấp cứu | x | x | 50% nhà nước, 50% hỗ trợ bên ngoài |
| Lĩnh vực Bình đẳng Giới (\*\*\*) | Tăng cường năng lực PCTT cho phụ nữ | Toàn xã | Mở các lớp tập huấn PCTT cho các thành viên BCH và tổ xung kích thôn | x | x | 100 |
| ***Lưu ý khác*** | | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền:***  (\*) Dựa trên kết quả của bảng D1. Không nhất thiết phải đưa vào báo cáo nếu không phải là vấn đề ưu tiên của cộng đồng  (\*\*) Cho cả khía cạnh vật chất, tổ chức thể chế xã hội và nhận thức kinh nghiệm  (\*\*\*) Bắt buộc phải đưa vào phân tích  (\*\*\*\*)Tóm tắt các đề xuất đối với các cấp có thẩm quyền và các bên liên quan để có sự hỗ trợ và hợp tác cụ thể) | | | | | | |

1. **Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã**

* Lần đầu tiên có một báo cáo có số liệu cụ thể, chi tiết đến từng cấp thôn
* Việc nâng cao nhận thức của người dân về BĐKH là rất quan trọng qua các hình thức mắt thấy, tai nghe cụ thể chứ không chỉ tuyên truyền qua loa.

1. **Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã**

* Sẽ duy trì cập nhật số liệu cho báo cáo này.
* Sử dụng số liệu này cho các ngành khác
* Lồng ghép một số giải pháp phù hợp vào KH PTKTXH
* Điều chỉnh lại kế hoạch PCTT

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã**

**TM UBND Xã**

**(đã ký)**

1. **Phụ lục**
2. **Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ tên (Nam/Nữ)** | **Đơn vị** | **Số điện thoại** |
| 1 | Dương Đình Ngọc | PCT UBND |  |
| 2 | Nguyễn Văn Hải | Bí thư đoàn |  |
| 3 | Đào Văn Bình | CT hội ND |  |
| 4 | Phạm Thị Là | CT hội PN |  |
| 5 | Đào Xuân Trường | Xã đội trưởng |  |
| 6 | Dương văn Sáu | Phó CA |  |
| 7 | Trịnh Văn Yên | CB Văn hóa |  |
| 8 | Lê Thị Hạnh | Cán bộ VP |  |
| 9 | Mai Thị Loan | Cán bộ tư pháp |  |
| 10 | Mai Thị Huế | Cán bộ chính sách |  |
| 11 | Nguyễn Thị Dịu | Văn thư VP |  |

1. **Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn**

**LỊCH SỬ THIÊN TAI XÃ NGA HƯNG**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Loại hình thiên tai** | **Đặc điểm và xu hướng thiên tai** | **Khu vực bị thiên tai** | **Các thiệt hại và mức độ** | **Tại sao bị thiệt hại** | **Các biện pháp đã áp dụng và kinh nghiệm** |
| 2017 (tháng 8 -cơn bão số 6)  Mưa | Bão -Lụt | -Bão tăng cường (cấp 8-9, giât cấp 10, mưa to) mưa kéo dài một tháng. | -Khu vực Rọc Phương, Vườn Hói xóm 2; Đầm hội thi xóm 8; Đồng Ngọc Vó, Choi Cang, tây Cửa , tây Trạm xá, khu vực đìa xóm 4, xóm 5 | -8,5 ha lúa bị ngập úng gây ảnh hưởng 30% năng suất.  -30 ha lúa (xóm 4,5) bị mọc mầm do không thu hoạch được, không phơi được.  -0,8 ha lạc, dưa hấu (xóm 1,2,3,8) bị chết.  -1,5 ha ao (xóm 8) bị tràn gây thiệt hại 60% sản lượng cá tôm.  -Thiếu máy gặt ở cánh đồng lớn.  -Nhà cửa bị tốc ngói, tường bị đổ | -Vùng trũng, tiêu nước kém, công tác tiêu thoát nước chậm.  -Không be bờ, không vây lưới quanh ao.  -Hệ thống kênh tiêu kém, 1,5/3 km tiêu chậm (do sạc lỡ, cỏ dại (xóm 4, 5).  -8 ha lạc bị ngập úng do lấp mương ngăn dòng chảy (do xây nhà) ở xóm 7. | -Kiên cố kênh mương 2km toàn xã.  -Nạo vét kênh mương, khơi thong dòng chảy.  -Cấy lại diện tích đã thiệt hại.  -Dùng lưới bao quanh ao và be bờ.  -Thu hoạch diện tích đã đến thời điểm thu hoạch khi có bão.  -Trồng lại diện tích bị mất bằng giống ngắn ngày.  -Hộ gia đình tự khôi phục sản xuất.  -Tăng cường trạm bơm xả nước tiêu úng. |
| **2016 (tháng 1)** | Rét đậm, rét hại kéo dài một tháng | Thấp 8-9 độ c, từ 11-13 độ c kéo dài 28 ngày | -Trước ông Tịch, trước Điều, ba lô mã cố xóm 1, xóm 2.  -Diện tích lạc ở 8 xóm.  -Đông Mương họ Trịnh, Đông Thắng xóm 4.  -Đông Lan tây trạm xá xóm 5.  -Bốn Mẫu cánh sung, chân mạ, trước tính xóm 6.  -Đồng công thượng, mã bịch, sau thủy xóm 7. | Tổng diện tích 72 ha lạc, trong đó:  Thôn 1: 15 ha; thôn 2: 12 ha; thôn 3: 12 ha; thôn 4: 4 ha; thôn 5: 5 ha; thôn 6: 8 ha; thôn 7: 2 ha; thôn: 14 ha.  -60% diện tích mất trắng. | -Nhiệt độ xuống quá thấp, rét đậm, rét hại kéo dài, sương muối.  -Nhân dân trồng lạc không che phủ ni long.  -Không theo đúng lịch thời vụ.  -Đất nhiễm mặn.  -Giống kém, sử dụng thuốc diệt cỏ nhiều.  -Thải ni long ra ruộng, vỏ bao thuốc thực vật. | -Trồng lại diện tích bị mất trắng.  -Che phủ ni long cho cây lạc.  -Tuyên truyền cho nhân dân tiến hành chắm dặm lại diện tích bị mất ít.  -Trồng các cây trồng ngắn ngày theo lịch thời vụ.  -Làm tốt công tác dự thính, dự báo.  -Chọn giống tốt, giống ngắn ngày, phù hợp với đất.  -Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hợp lý.  -Cải tạo đất.  -Tưới bùn loãng giữ ấm cho mạ. |
| 2015 | Hạn hán- xâm nhập mặn | -Nắng nóng kéo dài 17 ngày, nhiệt độ 39-40 độ c.  -Nước sản xuất bị nhiễm mặn 80% diện tích bị chết | Khu vực Đồng ngọc, đồng bầu xóm 4. | -20 ha lúa màu bị nhiễm mặn, chết.  -Lạc, dưa hấu chậm phát triển. | Do không đo nồng độ mặn của nước trước khi cho nước vào ruộng. | -Thau chua, rửa mặn.  -Cấy lại bằng giống lúa ngắn ngày. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **KẾT QUẢ TỔNG HỢP CÔNG CỤ MẠNH YẾU** | | | | |
| **Thiên tai/  BĐKH** | **Xu hướng của thiên tai/ BĐKH** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT/ BĐKH** | **Rủi ro thiên tai** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* |
| **1. Bão/lụt** | - Tăng | - Huy động lực lượng khó khăn đi làm ăn xa không ổn định - Kin phí hoạt động không có - Phương tiện còn thiếu - Trình độ năng lực yếu chưa tập huấn, ý thức của một số thành viên chưa cao - 60% yếu ( nhà cấp 4) - nghèo 21 hộ - Phụ nữ chủ hộ: 76 hột - Hộ leo đơn : 19 hộ - Người khuyết tật: 8 người - Loa hỏng: 2 loa (xóm 1, xóm 2) - 5% yếu nhân lưc - Mất điện làm cho việc thông báo thông tin hạn chế - Đường truyền thông tin tắc nghẽn - Một số hộ dân còn chủ quan PCTT  - Không có trang thiết bị cứu hộ '- Nhà văn hóa bán kiên cố, nhà vệ sinh chưa đảm bảo  - Còn 57% nhà bán kiên cố, 3% nhà tạm bợ ( 4 xóm) - Xa điểm trú ẩn khoảng 1km - Mất điện không đảm bảo cung cấp nước sạch -Có 10% chưa hợp vệ sinh - 100% huy động chưa đồng đều | - Ban PCTT của xóm gồm 20TV/xóm (LL tại chỗ 8 /xóm), cơ động 12/xóm - Kế hoạch PCTT: Tham gia xây dựng kế hoach (tiểu ban xom) - Thông qua nội dung tuyên truyền quan hệ thống loa truyền thanh của xóm, chuẩn bị con người vật liệu tại chỗ tỷ lệ nữ : 2 nữ - 40% nhà đủ điều kiện phòng chống lut bão '- Có hệ thống loa truyền thanh xóm (mỗi xóm 2 loa) - Hộ có ti vi 100%, có điện thoại thông minh 70%, điện thoại 100%, tỷ lệ nghe loa truyền thanh 100% hộ, sử dụng Internet 70% - Thông báo trực tiếp cho từng hộ - 95% | - Nhà thiếu kiên cố dễ bị tốc mái - Mưa lớn ngập úng - Khó khăn cho việc đi lại cho việc tuyên truyền PCTT - Sức khỏe giảm sút - Gây dịch bệnh. Như tim mạch, hô hấp, tiêu chảy, các bệnh ngoài da |
| **2. Phương châm  4 tại chỗ** |  | - Năng lực còn hạn chế, chưa được tập huấn về PCTT - Thay đổi lực lượng không thường xuyên - Còn hạn chế thiếu kinh phí hoạt động - 50% công tác hậu cần và công tác chỉ huy | - Chỉ huy tại chỗ, Tiểu ban chỉ huy (xóm trưởng - LLTC gồm có TANTT, TĐT, Trưởng các đoàn thể xóm - Phương tiện vật tư có xe máy 100%, có xe khách 7 cái, xe tải 1 cái xóm 6, xóm 4 cái xe tải - Vật tư: 1200 bao bì, bó ròng 120 bó, tre cây 20 cây  - 50 % có chuẩn bị tốt vật tư, dự trữ ở các hộ gia đình, các nhu yếu phẩm. | - Có phương án nhưng không huy động được lực lượng phòng chống thiên tai |
| **3. Ý thức năng lực  người dân** |  | - Một số còn chủ quan về phòng chống thiên tai - 10% người cao tuổi và trẻ em - 10%ý thức ngươi dân chưa tốt - Không được đào tạo kiến thức về PCTT | - Lắm bắt mọi thông tin tuyên truyền - Chuẩn bị tốt lương thực, thực phẩm, thuốc men, sơ cứu tại chỗ - Chủ động công tác PCTT - Mạnh 90% kiến thức và ý thức - 90 % PCTT - Phòng chống dịch bệnh của cộng đồng tốt - Người dân được nâng cao nhận thức về PCTT - Có kinh nghiệm trong phòng chống thiên tai |  |

Bảng xếp hạng RRTT xã Nga Hưng

Tổng 27; 14 nam – 13 nữ

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Điểm cho các nội dung | | Tổng điểm | Thứ tự Xếp hạng |
|  |  | Nam | Nữ |  |  |
|  | Nguy cơ dịch bệnh về người sau thiên tai | 10 | 10 | 20 | 3 |
|  | Thiệt hại lúa mầu | 14 | 11 | 25 | 1 |
|  | Thiệt hại về người | 1 | 4 | 5 | 10 |
|  | Chuống trại có thể bị hư hỏng | 2 | 7 | 10 | 7 |
|  | Nhà có thể bị hư hại | 6 | 4 | 10 | 8 |
|  | Mương máng bị hại | 9 | 6 | 15 | 5 |
|  | Đường giao thông bị hư hại | 10 | 5 | 15 | 4 |
|  | Môi trường bị ô nhiễm | 12 | 9 | 21 | 2 |
|  | Hệ thống điện, truyền thanh bị hư hỏng | 7 | 5 | 12 | 6 |
|  | Thiệt hại về thuỷ sản | 6 | 4 | 10 | 9 |

Xếp hạng giải pháp

Tổng 27; 14 nam – 13 nữ

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Xếp hạng | | Tổng điểm | Xếp hạng |
| Nam | Nữ |
|  | Nâng cao năng lực bảo vệ lúa, hoa mầu và thuỷ sản | 8 | 12 | 20 | 4 |
|  | Nâng cấp hệ thống thông tin cảnh báo thiên tai | 12 | 9 | 21 | 2 |
|  | Chuyển đổi giống cây con | 10 | 10 | 20 | 3 |
|  | Tu sửa, nâng cấp nhà tạm – Hỗ trợ những hộ đặc biệt khó khăn | 5 | 6 | 11 | 7 |
|  | Nâng cao nhận thức cộng đồng về PCTT | 14 | 4 | 18 | 6 |
|  | Tăng cường năng lực cho lực lượng PCTT của xã/xóm | 9 | 11 | 20 | 5 |
|  | Nâng cao năng lực cho phụ nữ và trẻ em về phòng chống thiên tai. | 0 | 6 | 6 | 9 |
|  | Gia cố và nạo vét kênh mương | 5 | 4 | 9 | 8 |
|  | Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường | 12 | 9 | 21 | 1 |

1. **Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
| Tập huấn kỹ thuật và tổng hợp thông tin |  |
|  |  |
|  |  |
| Họp dân để thu thập thông tin |  |
|  |  |
|  |  |

1. Theo Quy định của các loại hình thiên tai được quy định trong luật PCTT [↑](#footnote-ref-1)
2. Nếu trường thuộc quản lý của huyện nhưng nằm tại thôn/xã này thì vẫn phải thống kê [↑](#footnote-ref-2)
3. Nếu có nhiều điểm trường thì phải thống kê từng điểm trường [↑](#footnote-ref-3)
4. Bệnh viện tỉnh, huyện nhưng nằm trên địa bàn xã thì vẫn phải thống kê [↑](#footnote-ref-4)